**ĐÂY LÀ GA CỦA NHÓM GV Ở NAM ĐỊNH. TRONG GA CỦA TỪNG THẦY CÔ ĐÃ ĐƯỢC ẨN THÔNG TIN CÁ NHÂN CỦA CHÍNH THẦY CÔ (CẢ WORD VÀ PPT). TRƯỚC KHI GỬI GA, TÔI ĐÃ TRỰC TIẾP GỌI CHO THẦY CÔ, TOÀN BỘ NỘI DUNG CUỘC GỌI ĐỀU ĐÃ ĐƯỢC GHI ÂM LÀM BẰNG CHỨNG. THẦY CÔ ĐÃ CAM KẾT VỚI CHÚNG TÔI LÀ CHỈ DÙNG CÁ NHÂN THÌ THẦY CÔ HOÀN TOÀN CHỊU TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG CHO CHÚNG TÔI ÍT NHẤT TỪ 30 -50 TRIỆU NẾU THẦY CÔ ĐỂ BỘ GA BỊ CHIA SẺ LÊN CÁC NHÓM.**

|  |  |
| --- | --- |
| **BÀI 3:**  *Ngày soạn ..................*  *Ngày dạy:...................* | **ÔN TẬP**  **NGHỆ THUẬT THUYẾT PHỤC TRONG VĂN NGHỊ LUẬN** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

**A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

Ôn tập các đơn vị kiến thức của bài học 3: **Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận**

- Ôn tập cách nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận. Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung của văn bản nghị luận.

- Ôn tập cách xác định được ý nghĩa của văn bản nghị luận; dựa vào các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng để nhận biết được mục đích, quan điểm của người viết.

- Ôn tập cách nhận biết và khắc phục những lỗi về mạch lạc, liên kết trong văn bản.

- Ôn tập cách viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

- Ôn tập cách thảo luận về một vấn đề có những ý kiến khác nhau.

**2. Năng lực:**

+ *Năng lực chung*:Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+ *Năng lực chuyên biệt*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

**3. Phẩm chất:**

- Có thái độ quý trọng hiền tài, biết đồng cảm với người khác, biết lắng nghe và sống có trách nhiệm.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

**B. PHƯƠNG TIỆN VÀ HỌC LIỆU**

**1. Học liệu:**

- Tham khảo SGV, SGK Ngữ văn 10 Kết nối tri thức với cuộc sống, tập 1.

- Tài liệu ôn tập bài học.

**2. Thiết bị và phương tiện:**

- Sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có liên quan đến bài học.

- Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, lành mạnh.

- Sử dụng máy chiếu/tivi kết nối wifi

**C. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**- Phương pháp**: Thảo luận nhóm,động não, dạy học giải quyết vấn đề, thuyết trình, đàm thoại gợi mở, dạy học hợp tác... .

**- Kĩ thuật**: Sơ đồ tư duy, phòng tranh, chia nhóm, đặt câu hỏi, khăn trải bàn,...

**D.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ**

Nguyễn Thị Giang 0906063151 THPT Toàn Thắng

**BUỔI 1**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập.

**2. Nội dung hoạt động:** HS chia sẻ suy nghĩ

**3. Sản phẩm**: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

**Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao sau khi học xong bài 3 buổi sáng:**

DẠY HỌC DỰ ÁN:

**GV yêu cầu HS thực hiện dự án Nhà báo học đường**

**GV chia lớp thành các nhóm để thực hiện nhiệm vụ**

**Yêu cầu:** Sưu tầm, tìm hiểu, viết bài phóng sự, thực hiện các clip phỏng vấn, clip tọa đàm về các vấn đề học đường:

* **Tình yêu học đường nên hay không nên?**
* **Kinh doanh online trong trường học?**
* **Làm thêm khi đang ngồi trên ghế nhà trường?**
* **Vào đại học có phải con đường duy nhất?**
* **Cháy hết mình với đam mê?**

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

Các nhóm lần lượt thể hiện sản phẩm

GV khích lệ, động viên.

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm học tập:**

Các nhóm nhận xét phần thể hiện của nhóm bạn sau khi nhóm bạn thực hiện xong.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, khen và biểu dương các nhóm có sản phẩm tốt.

- GV giới thiệu nội dung ôn tập bài 3: **Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận**

|  |  |
| --- | --- |
| **KĨ NĂNG** | **NỘI DUNG CỤ THỂ** |
| **Đọc hiểu văn bản** | **Đọc hiểu văn bản:**  ***+*** VB1: *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* (Trích – Thân Nhân Trung)  + VB2: *Yêu và đồng cảm* (Trích – Phong Tử Khải)  + VB3: *Chữ bầu lên nhà thơ* (Trích – Lê Đạt) |
| **Thực hành đọc hiểu:**  *Thế giới mạng và tôi* (Trích – Nguyễn Thị Hậu) |
| **Thực hành Tiếng Việt:** Lỗi về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa |
| **Viết** | **Viết:** Bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. |
| **Nghe** | **Nói và nghe:** Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý kiến khác nhau. |

**HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP: NHẮC LẠI KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học Bài 3: Nghệ thuật thuyết phục trong văn nghị luận.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,

- HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV, các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học 3.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS tích cực trả lời.

- GV khích lệ, động viên

**Bước 3: Báo cáo sản phẩm**

**-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá, nhận xét**

GV nhận xét, chốt kiến thức

**ÔN TẬP ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

✪ **KIẾN THỨC CHUNG VỀ VĂN NGHỊ LUẬN**

**Câu hỏi:**

**Câu 1:** Một bài văn nghị luận phải có yếu tố nào?

A. Luận điểm

B. Luận cứ

C. Lập luận

D. Cả ba yếu tố trên.

**Đáp án: D**

**Câu 2:** Thế nào là luận điểm trong bài văn nghị luận?

A. Là lí lẽ và dẫn chứng đưa ra trong tác phẩm.

B. Là cảm xúc suy nghĩ của người đọc sau khi cảm nhận tác phẩm.

C. Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người nói hoặc người viết.

D. Là cách sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lý.

**Đáp án: C**

**Câu 3:** Thế nào là luận cứ trong bài văn nghị luận?

A. Là ý kiến thể hiện tư tưởng quan điểm của người nói hoặc người viết.

B. Là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm.

C. Là cách sắp xếp các ý, các dẫn chứng theo một trình tự hợp lý.

D. Là nêu cảm xúc, suy nghĩ của người đọc sau khi cảm nhận tác phẩm

**Đáp án: B**

**Câu 4:** Lập luận trong bài văn nghị luận là gì?

A. Là ý kiến thể hiện tư tưởng quan điểm của người nêu cảm xúc, suy nghĩ

B. Là lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm.

C. Là nêu cảm xúc, suy nghĩ của người đọc sau khi cảm nhận tác phẩm.

D. Là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm.

**Đáp án: D**

**Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:**

**Chống nạn thất học**

*Quốc dân Việt Nam!*

Khi xưa Pháp cai trị nước ta, chúng thi hành chính sách ngu dân. Chúng hạn chế mở trường học, chúng không muốn cho dân ta biết chữ để dễ lừa dối dân ta và bóc lột dân ta.

Số người Việt Nam thất học so với số người trong nước là 95 phần trăm, nghĩa là hầu hết người Việt Nam mù chữ. Như thế thì tiến bộ làm sao được?

Nay chúng ta đã giành được quyền độc lập. Một trong những công việc phải thực hiện cấp tốc trong lúc này, là nâng cao dân trí.

Chính phủ đã ra hạn trong một năm, tất cả mọi người Việt Nam đều phải biết chữ quốc ngữ. Chính phủ đã lập một Nha Bình dân học vụ để trông nom việc học của dân chúng.

*Quốc dân Việt Nam!*

Muốn giữ vững nền độc lập,

Muốn làm cho dân mạnh nước giàu,

Mọi người Việt Nam phải hiểu biết quyền lợi của mình, bổn phận của mình, phải có kiến thức mới để có thể tham gia vào công cuộc xây dựng nước nhà, và trước hết phải biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ.

Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ, hãy góp sức vào bình dân học vụ, như các anh chị em trong sáu, bảy năm nay đã gây phong trào truyền bá Quốc ngữ, giúp đồng bào thất học.

Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, người ăn người làm không biết thì chủ nhà bảo, các người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ đồn điền, chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền, những người làm của mình.

Phụ nữ lại càng cần phải học, đã lâu chị em bị kìm hãm, đây là lúc chị em phải cố gắng để kịp nam giới, để xứng đáng mình là một phần tử trong nước, có quyền bầu cử và ứng cử.

Công việc này, mong anh chị em thanh niên sốt sắng giúp sức.

Chủ tịch

Chính phủ nhân dân lâm thời

HỒ CHÍ MINH

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000)

**Câu 5:** Luận điểm chính trong bài “Chống nạn thất học” là gì?

A. Chống nạn thất học

B. Mỗi người đều có quyền được đi học.

C. Học tập giúp con người không bị tụt hậu.

D. Cả A, B, C đều sai

**Đáp án: A**

**Câu 6:** Luận cứ trong bài “Chống nạn thất học” là gì?

A. Chính sách ngu dân của thực dân Pháp làm cho hầu hết người Việt Nam mù chữ, nước Việt Nam không tiến bộ được.

B. Nay chúng ta đã dành được độc lập, cần phải nhanh chóng nâng cao dân trí để xây dựng đất nước.

C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

**Đáp án: C**

**Câu 7:** Trình tự lập luận nào đúng trong bài “Chống nạn thất học”?

A. Nêu lí do vì sao phải chống nạn thất học. – chống thất học bằng cách nào. – chống thất học để làm gì

B. Nêu lí do vì sao phải chống nạn thất học - chống thất học để làm gì - chống thất học bằng cách nào.

C. chống thất học bằng cách nào - Nêu lí do vì sao phải chống nạn thất học. - chống thất học để làm gì

D. chống thất học để làm gì - chống thất học bằng cách nào - Nêu lí do vì sao phải chống nạn thất học

**Đáp án: B**

**Đọc văn bản và thực hiện yêu cầu:**

**Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội**

Có thói quen tốt và thói quen xấu. Luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa, luôn đọc sách,... là thói quen tốt.

Hút thuốc lá, hay cáu giận, mất trật tự là thói quen xấu. Có người biết phân biệt tốt và xấu, nhưng vì đã thành thói quen nên rất khó bỏ, khó sửa. Chẳng hạn vì thói quen hút thuốc lá, nên cũng có thói quen gạt tàn bừa bãi ra nhà, cả trong phòng khách lịch sự, sạch bong. Người biết lịch sự thì còn sửa một chút bằng cách xin chủ nhà cho mượn cái gạt tàn.

Một thói quen xấu ta thường gặp hàng ngày, ở bất cứ đâu là thói quen vứt rác bừa bãi. Ăn chuối xong cứ tiện tay là vứt toẹt ngay cái vỏ ra cửa, ra đường... Thói quen này thành tệ nạn... Một xóm nhỏ, con mương sau nhà thành con sông rác... Những nơi khuất, nơi công cộng, lâu ngày rác cứ ùn lên, khiến nhiều khu dân cư phải chịu hậu quả mất vệ sinh nặng nề.

Tệ hại hơn có người có cái cốc vỡ, cái chai vỡ cũng tiện tay ném ra đường. Vì thế trẻ em, cụ già giẫm phải, chảy máu chân rất nguy hiểm.

Tạo được thói quen tốt là rất khó. Nhưng nhiễm thói quen xấu thì dễ. Cho nên mỗi người, mỗi gia đình hãy tự xem lại mình để tạo ra nếp sống đẹp, văn minh cho xã hội?

(Theo Băng Sơn, *Giao tiếp đời thường*)

**Câu 8:** Luận điểm của bài là?

A. Chúng ta làm gì để có thói quen tốt

B. Khái niệm thói quen tốt trong đời sống xã hội

C. Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội

D. Cả A,B,C đều đúng

**Đáp án: C**

**Câu 9:** Luận cứ trong bài này là gì?

A. Có thói quen tốt như luôn dậy sớm, luôn đúng hẹn, giữ lời hứa...

B. Có thói quen xấu như hút thuốc lá, mất trât tự, vứt rác bừa bãi....

C. Cần tạo ra thói quen tốt trong đời sống xã hội

D. Cả A và B đều đúng

**Đáp án: D**

**Câu 10:** Tác giả đã lập luận như thế nào trong bài này để sáng tỏ luận điểm?

A. Phân tích tác hại của thói quen xấu – nhắc nhở mọi người tạo ra thói quen tốt để tạo nếp sống văn mình cho xã hội

B. Nhắc đến thói quen tốt sau đó phê phán thói quen xấu

C. Đan xen cả thói quen tốt và thói quen xấu vào nahu.

D. Cả A,B,C đều sai.

**Đáp án: A**

✪ **VĂN BẢN ĐỌC HIỂU**

**\* Hoàn thành phiếu học tập 01 theo cặp:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia* (Trích – Thân Nhân Trung) |  |  |
| *Yêu và đồng cảm* (Trích – Phong Tử Khải) |  |  |
| *Chữ bầu lên nhà thơ* (Trích – Lê Đạt) |  |  |
| *Thế giới mạng và tôi* (Trích – Nguyễn Thị Hậu) |  |  |

**\*GV hướng dẫn HS chốt các đơn vị kiến thức cơ bản của các văn bản đọc hiểu:**

|  |
| --- |
| **ÔN TẬP VĂN BẢN 1: HIỀN TÀI LÀ NGUYÊN KHÍ CỦA QUỐC GIA** **(TRÍCH)**  **Thân Nhân Trung** |

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả:**

**-** Thân Nhân Trung (1418- 1499)

- Tự (tên chữ): Hậu Phủ.

- Quê: làng Yên Ninh- huyện Yên Dũng (Bắc Giang).

- Đỗ tiến sĩ năm 1469, nổi tiếng văn chương, được Lê Thánh Tông tin dùng.

- Được phong là Phó nguyên soái trong Tao đàn văn học do Lê Thánh Tông sáng lập.

2. **Tác phẩm:**

**a. Xuất xứ đoạn trích:** Trích từ *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Bảo Đại thứ ba*

**b. Hoàn cảnh ra đời tác phẩm:** Năm 1484, Thân Nhân Trung vâng mệnh vua Lê Thánh Tông soạn bài kí để khắc lên bia đặt trong Văn Miếu

**c. Thể loại:**

**Văn bia:** là loại văn khắc trên bia đá, gồm nhiều thể khác nhau, rất phổ biến thời trung đại, thường ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. Nhiều bài văn bia là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắcBố cục đoạn trích

**d. Bố cục:** 3 phần

- P1: Vai trò quan trọng của hiền tài.

- P2: Những việc làm khuyến khích hiền tài của các thánh đế minh vương.

- P3: Ý nghĩa của việc khắc bia tiến sĩ.

**e. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**

**- Nội dung – Ý nghĩa**

+ Ở thời đại nào “hiền tài” cũng là “nguyên khí của quốc gia” → phải biết quý trọng hiền tài.

+ Hiền tài có mối quan hệ sống còn đối với sự thịnh - suy của đất nước.

+ Sự đúng đắn trong quan điểm của nhà nước ta: Giáo dục là quốc sách hàng đầu.

**- Nghệ thuật**

+ Kết cấu chặt chẽ lập luận sắc bén

+ Giọng văn thay đổi hết sức linh hoạt phù hợp theo từng nội dung lập luận

+ Ngôn ngữ, hình tượng phong phú, giàu tính trí tuệ, giàu điển tích, điển cố

**II. LUYỆN ĐỀ**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1 :**Thân Nhân Trung đỗ tiến sĩ năm nào?

A. 1442

B. 1469

C. 1478

D. 1480

**Chọn đáp án : B**

**Câu 2 :**Nhà nước phong kiến triều Lê đặt ra: Lệ xướng danh, yết bảng, ban mũ áo, cấp ngựa, đãi yến và vinh quy bái tổ cho những người đỗ đạt cao vào năm nào?

A. 1438

B. 1439

C. 1440

D. 1441

**Chọn đáp án : B**

**Câu 3 :**Dòng nào dưới đây nêu thông tin không đúng về tiểu sử, thân thế của Thân Nhân Trung?

A. Tự là Hậu Phủ, sinh năm 1418, mất năm 1499.

B. Người làng Yên Ninh, huyện Yên Dũng (Bắc Giang)

C. Đỗ tiến sĩ năm 1469.

D. Được vua Lê Thái Tông phong chức danh Tao đàn phó nguyên súy.

**Chọn đáp án : D**

**Câu 4 :**Thể loại mà Thân Nhân Trung sáng tác nhiều và đặc sắc nhất là:

A. Văn bia

B. Thơ

C. Phú

D. Sử kí

**Chọn đáp án : A**

**Câu 5 : *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba*** (1442) được xem là bài văn bia quan trọng nhất trong số 82 bài văn bia ở Văn Miếu (Hà Nội), chủ yếu vì?

A. Đây là bài văn bia hay nhất trong số 82 bài văn bia.

B. Đây là bài văn bia viết công phu nhất trong số 82 bài văn bia.

C. Đây là bài có ý nghĩa như một lời tựa chung cho cả 82 bài văn bia.

D. Đây là bài được nhiều người biết đến nhất trong 82 bài văn bia.

**Chọn đáp án : C**

**Câu 6 :**Hai chữ ***hiền tài*** được dành riêng để chỉ?

A. Người hiền lành và có tài.

B. Người tài cao, học rộng và có đạo đức.

C. Người tài có đạo đức.

D. Người vừa có tài vừa có đức.

**Chọn đáp án : B**

**Câu 7 :**Dòng nào dưới đây giải thích chính xác nhất hai chữ ***nguyên khí*** ?

A. Khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của sự vật.

B. Chất làm nên sự sống còn và phát triển của đất nước, xã hội.

C. Khí chất ban đầu là gốc rễ nuôi dưỡng sự sống còn của sự vật.

D. Chất ban đầu là cơ sở cho sự sống còn và phát triển của xã hội, đất nước.

**Chọn đáp án : B**

**Câu 8 : *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên.***

Trong đoạn văn trên, để nhấn mạnh vai trò đặc biệt của hiền tài đối với sự thịnh suy của đất nước, tác giả đã sử dụng thủ pháp nghệ thuật nào?

A. Đối ngẫu

B. Điệp từ ngữ

C. Điệp cấu trúc

D. Nghịch đối và điệp cấu trúc

**Chọn đáp án : D**

**Câu 9 :**Quan hệ lập luận giữa nguyên khí thịnh và thế nước mạnh trong vế câu: ***nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh*** là quan hệ nào?

A. Điều kiện – kết quả

B. Nguyên nhân – kết quả

C. Kết quả - nguyên nhân

D. Kết quả - điều kiện

**Chọn đáp án : A**

**Câu 10 :**Quan hệ lập luận giữa nguyên khí suy và thế nước yếu trong vế câu: ***nguyên khí suy thì thế nước yếu*** là quan hệ nào?

A. Điều kiện – kết quả

B. Nguyên nhân – kết quả

C. Kết quả - nguyên nhân

D. Kết quả - điều kiện

**Chọn đáp án : A**

**Câu 11 : *Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề cao bằng tước trật. Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban cho danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ. Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất.***

Những quyền lợi cao quý vua ban cho “kẻ sĩ” trong đoạn văn trên đã được nhấn mạnh bằng thủ pháp nghệ thuật nổi bật nào?

A. Liệt kê, trùng điệp

B. Liệt kê, tăng cấp

C. Điệp từ ngữ, cấu trúc

D. Đối ngẫu

**Chọn đáp án : B**

**Câu 12 :**Dòng nào dưới đây chưa sát đúng mục đích của việc dựng bia tiến sĩ?

A. Lưu danh các bậc hiền tài vào sử sách.

B. Làm gương tốt cho tất cả mọi người soi chung.

C. Biểu dương những trung thần nghĩa sĩ có công với nước.

D. Hướng kẻ sĩ và hiền tài dành nhiều tâm huyết phụng sự quốc gia.

**Chọn đáp án : C**

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp. Vì vậy các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng. Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề cao bằng tước trật. Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ. Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất.*

*Nay thánh minh lại cho rằng, chuyện hay việc tốt tuy có một thời lừng lẫy, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ lưu vẻ sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan, khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua. Há chỉ là chuộng văn suông, ham tiếng hão mà thôi đâu.*

*Ôi, kẻ sĩ chốn trường ốc lều tranh, phận thật nhỏ mọn mà được triều đình đề cao rất mực như thế, thì họ phải làm thế nào để tự trọng tấm thân mà ra sức báo đáp ?*

(Trích ***Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*** – Thân Nhân Trung,

*Ngữ văn 10* *Nâng cao*, tập hai, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.41 - 42)

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì ?

**Câu 2**. Hãy ghi lại câu văn chỉ ra nguyên nhân nhà nước phong kiến triều Lê tiến hành cho khắc bia ghi tên tiến sĩ.

**Câu 3.** Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn trích.

**Câu 4**. Giải thích từ *hiền tài, nguyên khí* và nhan đề *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia*.

**Câu 5.** Xác định biệp pháp tu từ cú pháp nổi bật trong đoạn văn bản. Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó là gì?

**Câu 6.** Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về lời dạy của Hồ Chí Minh “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”.

**Gợi ý:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là: Nghị luận

**Câu 2.** Câu văn chỉ ra nguyên nhân nhà nước phong kiến triều Lê tiến hành cho khắc bia ghi tên tiến sĩ: *Nay thánh minh lại cho rằng, chuyện hay việc tốt tuy có một thời lừng lẫy, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ lưu vẻ sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan, khiến cho kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua.*

**Câu 3**. Nội dung của đoạn trích: Vai trò của hiền tài đối với đất nước: người tài nhiều thì đất nước sẽ có tiềm năng phát triển và ngược lại. Người viết cũng khẳng định chính sách đãi ngộ người tài của nhà vua, sự đề cao người tài và lí do ghi tên tiến sĩ trên bia đá là để khích lệ người tài mang tài năng của bản thân ra giúp nước.

**Câu 4**. Giải thích từ *hiền tài, nguyên khí và nhan đề Hiền tài là nguyên khí của quốc gia:*

*- Hiền tài:* là người tài cao, học rộng và có đạo đức

*- Nguyên khí:* là khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển của sự vật

*- Hiền tài là nguyên khí của quốc gia:* Người có tài cao, học rộng và có đạo đức có quan hệ sống còn với sự thịnh suy của đất nước. Câu nói này thể hiện nhận thức đúng đắn về vai trò quan trọng của người tài đối với quốc gia, thể hiện thái độ quý trọng người tài

**Câu 5.**

- Biệp pháp tu từ cú pháp nổi bật trong văn bản: phép liệt kê

*+ bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí*

*+ Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề cao bằng tước trật. Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ. Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ.*

- Hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ: Thông qua phép liệt kê, tác giả cho thấy các thánh đế minh vương đã làm nhiều việc để khuyến khích hiền tài. Nhưng như thế vẫn chưa đủ vì chỉ vang danh ngắn ngủi một thời lừng lẫy, mà không lưu truyền được lâu dài.Bởi vậy mới có bia đá đề danh.

**Câu 6.** Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo hình thức viết đoạn, về số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung:

+ Thế nào là một dân tộc dốt, một dân tộc yếu?

+ Khẳng định tính đúng đắn của câu nói: hậu quả của dốt sẽ là yếu như thế nào?

+ Bài học nhận thức và hành động: trau dồi kiến thức, kĩ năng, phẩm chất, năng lực…

**ĐỌC HIỂU VB NGOÀI SGK**

**Đề số 02: Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*(…) Trên cái tinh thần lâu dài mãi mãi,* *văn bia này có tác dụng như một tấm gương soi cho kẻ sĩ xa gần trong cả nước “trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua”. Học cái tốt mà loại trừ cái xấu, ý nghĩa của nó còn có tính chất dẫn dụ, răn đe, nhìn thấy bia thì “lòng thiện tràn đầy, ý xấu bị ngăn chặn”. Và thống nhất quan điểm về mối liên hệ máu thịt giữa hiền tài với sự còn mất của non sông. Nơi dựng bia chính là nơi “vừa để rèn giũa danh tiếng cho sĩ phu, vừa củng*cố*mệnh mạch cho nhà nước”.*

*Về tinh thần của văn bia, ta nhận ra niềm tự hào, tự tin vào sức mạnh và tương lai dân tộc. Phải đứng trên một mảnh đất vững bền mới có được cái tầm nhìn xa rộng (ở đây ý văn giống ý thơ Trần Quang Khải “Thái bình nên gắng sức- Non nước ấy nghìn thu”).*  
( Trích *Tinh thần tự cường dân tộc*, Lê Bảo)

**Câu 1**. Nêu phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản.

**Câu 2**. Nội dung đoạn văn bản trên là gì?

**Câu 3**. Câu văn *Trên cái tinh thần lâu dài mãi mãi, văn bia này có tác dụng như một tấm gương soi cho kẻ sĩ xa gần trong cả nước “trông vào mà phấn chấn hâm mộ, rèn luyện danh tiết, gắng sức giúp vua”*sử dụng biện pháp tu từ từ vựng gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ đó.

**Câu 4**. Em hiểu *mối liên hệ máu thịt giữa hiền tài với sự còn mất của non sông như thế nào?*

**Câu 5**. Tại sao tác giả lại cho rằng: *văn bia này có tác dụng như một tấm gương soi cho kẻ sĩ xa gần?*

**Câu 6**. Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về *niềm tự hào, tự tin vào sức mạnh và tương lai dân tộc*của tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay.

**Gợi ý:**

**Câu 1**. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận

**Câu 2**. Nội dung đoạn văn bản trên: Bàn về ý nghĩa, vai trò của việc khắc văn bia với đời sau

**Câu 3**.

- Câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh: *văn bia này có tác dụng như một tấm gương soi*…  
- Hiệu quả nghệ thuật: sử dụng biện pháp tu từ so sánh, người viết đã làm cho sự diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể hơn, đồng thời làm rõ tác dụng bài văn bia của Thân Nhân Trung

**Câu 4**. *Mối liên hệ máu thịt giữa hiền tài với sự còn mất của non sông* được hiểu là: *Hiền tài được xem là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí mạnh thì thế nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu rồi xuống thấp*

**Câu 5**. Tác giả cho rằng: *văn bia này có tác dụng như một tấm gương soi cho kẻ sĩ xa gần,* vì:trên tấm văn bia ghi lại tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế

**Câu 6**. Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Từ đánh giá ý nghĩa bài văn bia của nhà phê bình Lê Bảo thể hiện trong văn bản : *“Về tinh thần của văn bia, ta nhận ra niềm tự hào, tự tin vào sức mạnh và tương lai dân tộc”, học sinh trình bày hiểu biết của mình về niềm tự hào, tự tin vào sức mạnh và tương lai của dân tộc. Cụ thể:*

*+*Tự hào : lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có. Tự hào dân tộc là tự hào về truyền thống tốt đẹp, quá khứ hào hùng của dân tộc.

+ Tự tin là tin tưởng vào khả năng của bản thân. Tự tin dân tộc là tin tưởng vào khả năng của dân tộc.

+ Ý nghĩa: Tự hào, tự tin vào sức mạnh và tương lai dân tộc thể hiện tinh thần yêu nước của tuổi trẻ, tạo động lực để thế hệ trẻ kế thừa và phát huy truyền thống, đem sức mình cống hiến cho đất nước.

+ Phê phán một bộ phận giới trẻ thờ ơ, quay lưng với quá khứ.

+ Bài học nhận thức và hành động: nhớ ơn quá khứ, ra sức học tập và tu dưỡng đạo đức…

**Đề số 03: Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*(1) Từng nghe nói rằng: Người hiền xuất hiện ở đời, thì như ngôi sao sáng trên trời cao. Sao sáng ắt chầu về ngôi Bắc Thần (1), người hiền ắt làm sứ giả cho thiên tử. Nếu như che mất ánh sáng, giấu đi vẻ đẹp, có tài mà không được đời dùng, thì đó không phải là ý trời sinh ra người hiền vậy.*

*(2 )Trước đây thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngòi khe (2), trốn tránh việc đời (3), những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng (4). Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa (5), cũng có kẻ ra biển vào sông (6), chết đuối trên cạn (7) mà không biết, dường như muốn lẩn tránh (8) suốt đời.*

*(3)Nay trẫm đang ghé chiếu (9) lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa ai tìm đến. Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đổ nát (10) chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?*

(Trích *“Chiếu cầu hiền”-* Ngô Thì Nhậm, SGK Ngữ văn 11 tập 1,Nxb GD 2009, Tr 68 - 69)

**Chú giải:**

1. *Bắc Thần*: Sao Bắc Đẩu, tượng trưng cho ngôi vua.
2. *Ở ẩn trong ngòi khe*: dịch thoát chữ “khảo bàn”. *Khảo bàn* là tên bài thơ trong thiên “Vệ phong” (*Kinh Thi*) nói về những người ở ẩn nơi ngòi khe.
3. *Trốn tránh việc đời*: Dịch thoát câu “Dụng củng vu hoàng ngưu) (Gói kĩ trong tấm da bò). Hào sơ cửu, quẻ Cách trong *Kinh Dịch*: “Củng dụng hoàng ngưu chi cách” (Dùng da bò để bọc cho thật chắc”, ý nói kẻ ẩn dật trốn tránh việc đời khác nào tấm da bò bọc lấy đồ vật một cách vững chắc.
4. *Kiêng dè không dám lên tiếng*: dịch thoát câu “Giới minh vu trượng mã” (Ngựa chầu phải kiêng dè tiếng hí); ở đây ý nói các quan trong triều đều giữ mình không dám nói thẳng.
5. *Gõ mõ canh cửa*: dịch câu “Kích đạc bão quan”, xuất xứ ở sách *Mạnh Tử*; kích đạc là người đánh mõ canh đêm, bão quan là người canh cửa, đều là những chức vụ thấp kém.
6. *Ra biển vào sông*: sách *Luận ngữ*, thiên Vi tử có đoạn chép về những người đi ở ẩn thời cổ: “Cổ Phương Thúc nhập vu Hà, kích khánh Tương nhập vu hải” (Quan đánh trống Phương Thúc vào miền sông Hà, người đánh khánh là Tương đi ra bể); ở đây chỉ các ẩn sĩ mỗi người đi một phương.
7. *Chết đuối trên cạn:* dịch chữ “lục trầm”, xuất xứ ở sách *Trang Tử*, ý nói kẻ đi ở ẩn như người bị chết đuối trên cạn.
8. *Lẩn tránh*: dịch chữ “phì độn”, xuất xứ ở quẻ Độn trong *Kinh Dịch*, nói kẻ đi ở ẩn.
9. *Ghé chiếu*: dịch chữ “trắc tịch”, xuất xứ ở Hậu Hán thư, Chương Đế kỉ, nghĩa là ngồi bên mép chiếu chứ không ngồi chính giữa vì còn đợi người hiền tài, có ý khiêm tốn.

*(10) Thời đổ nát*: dịch từ chữ “cổ”, cũng là tên một quẻ trong *Kinh Dịch*, nói thời kì đổ nát lộn xộn. Hào Thượng cửu, quẻ Cổ ghi: “Bất sự vương hầu, cao thượng kì chí” (Chẳng chịu phụng sự vương hầu, giữ chí của mình cho cao thượng).

**Câu 1.** Chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích?

**Câu 2**. Hãy cho biết mục đích và đối tượng hướng đến của đoạn trích trên?

**Câu 3.** Nêu nội dung của đoạn văn bản trên?

**Câu 4.** Tìm những điển tích, điển cố được sử dụng trong đoạn (2) và nêu tác dụng của nó?

**Câu 5.** Đoạn (3) sử dụng thao tác lập luận nào? Qua đó anh chị hãy nhận xét ngắn gọn về tình cảm, tư tưởng, nhân cách của Quang Trung?

**Câu 6**. Viết đoạn văn ngắn (5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về vai trò của hiền tài đối với công cuộc phát triển đất nước.

**Gợi ý:**

**Câu 1.** Các phương thức biểu đạt trong đoạn văn bản:

       - Phương thức nghị luận

       - Phương thức tự sự

       - Phương thức biểu cảm

**Câu 2**. Mục đích và đối tượng hướng đến của đoạn trích: Thuyết phục người hiền, thực chất là các trí thức, nho sĩ Bắc Hà, hợp tác, tham gia chính sự với triều Tây Sơn.

**Câu 3.** Nội dung của đoạn văn bản: quy luật xử thế của người hiền, cách ứng xử của giới sĩ phu Bắc Hà trước đây và tấm lòng mong mỏi cầu hiền của vua Quang Trung.

**Câu 4.**

- Những điển tích, điển cố được sử dụng trong đoạn (2):

*+ Ở ẩn trong ngòi khe.*

***+*** *Trốn tránh việc đời.*

*+ Kiêng dè không dám lên tiếng*

*+ Gõ mõ canh cửa*

*+ Ra biển vào sông.*

*+ Chết đuối trên cạn*.

- Tác dụng: Tác giả sử dụng nhiều điển tích, điển cố Hán học giúp cho việc trình bày tư tưởng rõ ràng, súc tích hơn. Vừa châm biếm nhẹ nhàng thái độ ứng xử của giới sĩ phu Bắc Hà vừa nhấn mạnh ý nghĩa xã hội cao cả và tầm vóc vũ trụ thiêng liêng của sự nghiệp dựng nước đang yêu cầu có sự cộng tác của người hiền tài.

**Câu 5.**

- Đoạn (3) sử dụng thao tác lập luận : bác bỏ

- Tình cảm, tư tưởng, nhân cách của Quang Trung: vua Quang Trung hiện ra như một lãnh tụ có trí tuệ, khiêm tốn, chân thành, tha thiết, đề cao vai trò của người hiền và lo lắng cho sự nghiệp xây dựng đất nước.

**Câu 6**.

Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: bày tỏ suy nghĩ về vai trò của hiền tài đối với công cuộc phát triển đất nước.

+ Hiền tài là những người học rộng, tài cao và có đạo đức, thực sự có năng lực, tài giỏi có thể dùng năng lực cống hiến cho sự nghiệp chung của nước nhà.

+ Không có hiền tài đất nước sẽ nghèo nàn, lạc hậu

+ Người hiền tài là người làm nên đất nước, đưa đất nước phát triển trên mọi lĩnh vực, sánh vai với các cường quốc năm châu

+ Họ chính là người quyết định vận mệnh của đất nước. Nước có mạnh, có phát triển đều bắt nguồn từ chính sự nỗ lực, phấn đấu, sáng tạo, cống hiến của những con người ấy.

**DẠNG 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

# **Đề bài:** **Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ về: Tư tưởng trọng người hiền tài trong văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” (Trích) – Thân Nhân Trung**

**Gợi ý**

### \***Bảng kiểm đánh giá bài văn:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết bài văn** bày tỏ suy nghĩ về: Tư tưởng trọng người hiền tài trong văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” (Trích) – Thân Nhân Trung | **Đạt/chưa đạt** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. |  |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Tư tưởng trọng người hiền tài trong văn bản “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” |  |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Giới thiệu tác giả Thân Nhân Trung: Nổi tiếng với tài năng văn chương và được Lê Thánh Tông tin dùng.  - Khát quát và đánh giá về tư tưởng trong văn bản: Tư tưởng trọng người hiền tài – đó là tư tưởng lớn mang tầm thời đại và có ý nghĩa vượt thời gian. |  |
| Phân tích, chứng minh, bình luận được tư tưởng trọng người hiền tài trong “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia”:  *- Coi hiền tài là nguyên khí của quốc gia:* **Hiền tài là nguyên khí của quốc gia**  + Hiền tài: vừa là người có tài vừa là người có đức. Đức thể hiện ở lòng yêu nước, yêu dân tận tâm với công việc. Tài thể hiện ở học vấn uyên thâm, óc xử trí linh hoạt. Tài và đức là những phẩm chất cần có của người lãnh đạo đất nước.  + Nguyên khí: Là khí chất ban đầu làm nên sự phát triển sống còn của sự vật, cũng là khí chất bên trong còn nguyên lành chưa pha tạp.  → Coi hiền tài là nguyên khí quốc gia có nghĩa là tác giả đề cao hiền tài, coi họ là điểm xuất phát làm nên sự hưng vong của quốc gia.  *+* Câu nói thể hiện rõ nhận thức về **vai trò của hiền tài đối với sự tồn vong, thịnh suy của đất nước**: *“Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp”*  Nguyên khí thịnh >< Nguyên khí suy  Đất nước nhiều hiền tài >< Đất nước hiếm hiền tài  Thế nước mạnh >< Thế nước suy  => Khẳng định tính chất rõ ràng, hiển nhiên của chân lí.  *- Chính sách đối đãi với người hiền tài:* *“****Vì vậy*** *các đấng thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên. Kẻ sĩ quan hệ với quốc gia trọng đại như thế, cho nên quý chuộng kẻ sĩ không biết thế nào là cùng”:*  + “Đã yêu mến cho khoa danh, lại đề cao bằng tước trật”  + “Ban ân rất lớn mà vẫn cho là chưa đủ”  + “Lại nêu tên ở tháp Nhạn, ban danh hiệu Long hổ, bày tiệc Văn hỉ”…  + “Triều đình mừng được người tài, không có việc gì không làm đến mức cao nhất”  **Sử sách cho ta biết:** Từ năm 1439, nhà nước phong kiến triều Lê đặt ra lệ xướng danh, yết bảng, ban mũ áo, cấp ngựa, đãi yến và vinh quy bái tổ cho những người đỗ đạt cao để khuyến khích nhân tài, phát triển giáo dục nước nhà.  + **Tuy nhiên thánh minh cho rằng:** “ Chuyện hay việc tốt ….chưa đủ lưu vẻ sáng lâu dài, cho nên lại dựng đá đề danh đặt ở cửa Hiền Quan”  → Ca ngợi những vị vua tài năng, chúa suốt khi nhận ra vai trò và mối quan hệ của hiền tài với đất nước.  *- Tác dụng của việc lập văn bia:* Dựng bia đá sẽ làm cho: *“kẻ sĩ trông vào mà phấn chấn….giúp vua”, “…ra sức báo đáp”, “kẻ ác theo đó làm răn…cho nhà nước”*  + Thể hiện sự tôn trọng của xã hội và triều đại đối với hiền tài  + Khuyến khích hiền tài, nhắc nhở những ai có chí tiến thủ để cho lòng thiện tràn đầy, ý xấu bị ngăn.  + Những kẻ xấu lấy đó làm răn, người tốt theo đó mà gắng, dẫn việc dĩ vãng, chỉ lối cho tương lai.  + Làm cho đất nước được hưng thịnh, bền lâu.  → Cần thiết phải lập văn bia đề danh tiến sĩ. |  |
| **Bài học lịch sử:**  - Ở thời đại nào “hiền tài” cũng là “nguyên khí của quốc gia” → phải biết quý trọng hiền tài.  - Hiền tài có mối quan hệ sống còn đối với sự thịnh - suy của đất nước.  - Sự đúng đắn trong quan điểm của nhà nước ta: Giáo dục là quốc sách hàng đầu  - Biết đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, không để chảy máu chất xám. |  |
| **Nghệ thuật của tác phẩm:**  - Kết cấu chặt chẽ, lập luận sắc bén  - Giọng văn thay đổi hết sức linh hoạt phù hợp theo từng nội dung lập luận  - Ngôn ngữ, hình tượng phong phú, giàu tính trí tuệ, giàu điển tích, điển cố…, |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

### **\* Học sinh chỉnh sửa bài viết:**

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1. Bài viết đảm bảo hình thức bài văn chưa?

... ...........................................................................................................................

2. Nội dung đã đảm bảo các ý chưa? Nếu chưa cần bổ sung những ý nào?

..............................................................................................................................

3. Bài viết có sai chính tả không? Nếu có em sửa chữa như thế nào?

.............................................................................................................................

4. Bài viết đã đánh giá được tư tưởng trọng người hiền tài trong “Hiền tài là nguyên khí của quốc gia” theo cảm nhận của riêng em chưa? Nếu chưa hãy bổ sung.

**BUỔI 2:**

**ÔN TẬP VĂN BẢN 2: YÊU VÀ ĐỒNG CẢM (TRÍCH)**

**PHONG TỬ KHẢI**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả**

- Là nhà tản văn, họa sĩ, dịch giả và nhà lí luận giáo dục âm nhạc, nghệ thuật nổi tiếng của Trung Quốc

- Ông từng tôn Pháp sư Hoằng Nhất (Lý Thúc Đồng) làm thầy, thông hiểu văn hóa Trung Quốc lẫn phương Tây.

**- Phong cách sáng tác**

**+** Tản văn của ông có phong cách bình dị mộc mạc, ý nghĩa khoan hậu nhân từ mà sâu sắc, và cả sự thú vị hồn nhiên như trẻ thơ, là những giai phẩm được tôn sùng trong văn học hiện đại Trung Quốc, nhiều lần được chọn đưa vào sách giáo khoa Ngữ văn bậc tiểu học và trung học.

+ Tản văn và những bức “mạn họa” của ông được công chúng đặc biệt yêu thích bởi sự dung dị, thuần khiết mà ẩn chứa nhiều suy nghiệm thâm sâu của người thông hiểu cả văn hóa phương Đông lẫn văn hóa phương Tây.

+ Trong các sáng tác của mình, ông luôn đề cao tấm lòng thơ trẻ trong cách nhìn đời và thực hành nghệ thuật

+ Tranh của ông hài hước dí dỏm, lưu truyền rộng rãi, được nhiều người yêu thích, sưu tầm.

**2. Tác phẩm:**

**- Xuất xứ:**

+ Văn bản “Yêu và đồng cảm” được trích trong tập “Sống vốn đơn thuần” của Phong Tử Khải, là chương 5 của cuốn sách, có tiêu đề là “Sống mà học nghệ thuật”.

+ “Sống vốn đơn thuần” là tập văn - họa khá đặc trưng cho phong cách viết, vẽ của tác giả.

**- Thể loại:** Tản văn

**- Phương thức biểu đạt chính:** Nghị luận

**- Bố cục đoạn trích:** 4 phần

+ Phần 1 (đoạn 1 + 2): những cảm nhận ban đầu và cách lý giải của tác giả về lòng đồng cảm

+ Phần 2 (đoạn 3): cách thể hiện và ý nghĩa của lòng đồng cảm

+ Phần 3 (đoạn 4 + 5): đối tượng của lòng đồng cảm và điểm tương đồng trong sự đồng cảm giữa trẻ em và người nghệ sĩ

+ Phần 4 (đoạn 6): thông điệp gửi gắm của tác giả mong muốn mọi người hãy có lòng đồng cảm với vạn vật trong cuộc sống thường ngày

**- Giá trị nội dung:**

- Cho thấy lòng đồng cảm luôn hiện hữu trong cuộc sống của con người và tác động đến cả vạn vật xung quanh

- Khẳng định giá trị và ý nghĩa của lòng đồng cảm đối với con người, giúp cuộc sống nhiều cảm xúc và con người có thể gần gũi, gắn kết nhau hơn

- Lòng đồng cảm không chỉ giữa con người với nhau mà còn giữa con người với thiên nhiên, vạn vật

- Càng tự nhiên, thuần khiết, chúng ta càng giàu lòng đồng cảm với người khác hơn, ví dụ như trẻ thơ, họa sĩ, là những đối tượng dễ đồng cảm với vạn vật

- Có sức truyền cảm mạnh mẽ tới độc giả, thúc đẩy mỗi cá nhân biết yêu thương và cảm thông với người khác

**- Giá trị nghệ thuật:**

- Ngôn từ mộc mạc, dễ hiểu

- Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic

- Văn phong tự nhiên, dễ tiếp nhận

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Văn bản “Yêu và đồng cảm” bắt đầu bằng:

A. Một câu thơ

B. Một câu danh ngôn.

C. Một mẩu chuyện.

D. Lời bài hát

**Câu 2.** Văn bản “Yêu và đồng cảm” xoay quanh đối tượng chính nào?

A. Trẻ em và họa sĩ

B. Trẻ em và phụ nữ

C. Nhà văn và phụ nữ

D. Nhà văn và họa sĩ

**Câu 3.** Mẩu chuyện đầu văn bản “Yêu và đồng cảm” có thể được xem là:

A. Luận cứ

B. Luận điểm

C. Lý lẽ.

D. Dẫn chứng

**Câu 4.** Theo văn bản, khi nhìn một gốc cây, họa sĩ thấy gì?

A. Tính chất và trạng thái của nó

B. Sức sống của nó

C. Chất liệu của nó

D. Dáng vẻ của nó

**Câu 5.** Theo tác giả “Yêu và đồng cảm”, đây là điều mà nhiều người cho rằng chỉ cần có nó, người họa sĩ sẽ trở thành hoạ sĩ thực sự:

A. Đồng điệu đồng cảm

B. Chăm chú và kĩ thuật vẽ

C. Sức mạnh tinh thần phong phú dư dật

D. Nhân cách vĩ đại

**Câu 6.** Theo tác giả “Yêu và đồng cảm”, bản chất của trẻ thơ là nghệ thuật vì không có điểm nào sau đây?

A. Giàu lòng đồng cảm

B. Chân thành tự nhiên

C. Để ý đến những việc mà người lớn không chú tâm đến phát hiện ra những điểm mà người lớn không phát hiện được

D. Vô cảm với thế giới của hình dạng và màu sắc

**Câu 7.** Người nghệ sĩ là ai sau đây?

A. Những người thông minh không khuất phục, dù bên ngoài nhiều thứ áp bức thì bên trong vẫn giữ được lòng dũng cảm đáng quý

B. Những người giàu lòng đồng cảm nhưng khi lớn lên bị cách nghĩ của người đời dồn ép nên tấm lòng ấy bị cản trở hoặc hao mòn

C. Người có tư chất nông cạn cùng cực

D. Người là nô lệ của lí trí

**Câu 8.** Theo tác giả “Yêu và đồng cảm”, những điều cần thiết giúp ta quay trở lại thành trẻ thơ để có tâm hồn nghệ sĩ là:

A. Bồi dưỡng về nghệ thuật, đặt tình cảm vào tác phẩm nghệ thuật, có lòng đồng cảm bao la quảng đại

B. Đặt tình cảm vào tác phẩm nghệ thuật, có lòng đồng cảm bao la quảng đại, dùng lý trí để vượt qua những cám dỗ đời thường

C. Có lòng đồng cảm bao la quảng đại, bồi dưỡng về nghệ thuật, dùng lý trí để vượt qua những cám dỗ đời thường

D. Dùng lý trí để vượt qua những cám dỗ đời thường, bồi dưỡng về nghệ thuật, đặt tình cảm vào tác phẩm nghệ thuật

**DẠNG 2: THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Một đứa bé vào phòng tôi, giúp tôi sắp xếp đồ đạc. Thấy cái đồng hồ quả quýt út mặt xuống bàn, nó lật lại hộ. Thấy chén trà đặt phía sau quai ấm trà, nó chuyển đến trước vòi ấm. Thấy đôi giày dưới gầm giường một xuôi một ngược, nó đảo lại giúp. Thấy dây treo tranh trên tường buông thõng thò ra ngoài, nó bắc ghế trèo lên giấu vào trong hộ. Tôi cảm ơn: “Cháu chăm quá, toàn dọn dẹp hộ chú thôi!”.*

*Nó trả lời: “Không đâu, chẳng qua thấy chúng như thế, cháu cứ bứt rứt không yên!”.*

*Đúng vậy, nó từng nói:* *“Đồng hồ quả quýt út mặt xuống bàn, nó bực bội lắm đấy!”.*

*“Chén trà nấp sau lưng mẹ thì làm sao uống sữa được?”*

*“Giày chiếc xuôi trước ngược, làm sao chúng nói chuyện được với nhau?”*

*“Bím tóc của bức tranh thòng ra trước, trông như con ma vậy.”*

*Tôi phục sát đất tấm lòng đồng cảm phong phú của chú bé này. Từ đó tôi quả thực cũng để tâm tới vị trí của đồ vật, tạo điều kiện để chúng được dễ chịu.* *Vị trí đặt để chúng có dễ chịu, ta nhìn mới thấy thư thái. Bấy giờ tôi mới sực nhận ra đó là tâm cảnh trước cái đẹp, là thủ pháp thường dùng trong văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong hội họa. Những thứ đó đều được phát triển ra từ sự đồng cảm.* *Người bình thường chỉ có thể đồng cảm với đồng loại hoặc cùng lắm là với động vật mà thôi, còn nghệ sĩ lại có lòng đồng cảm bao la quảng đại như tấm lòng trời đất, trải khắp vạn vật có tình cũng như không có tình.*

(Trích *Yêu và đồng cảm*, Phong Tử Khải, *Sống đơn thuần*, Tố Hinh dịch, NXB Hà Nội - Công ti Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2020, tr.268)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn bản trên? Tác giả đã sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt nào? Sự kết hợp đó có tác dụng gì?

**Câu 2****.** Sự khác biệt giữa lòng đồng cảm của người thường và lòng đồng cảm của người nghệ sĩ là gì? Tại sao cậu bé bứt rứt không yên và sắp xếp lại đồ vật?

**Câu 3.** Cảm xúc của tác giả như thế nào trước suy nghĩ của cậu bé?

**Câu 4.** *Vị trí đặt để chúng có dễ chịu, ta nhìn mới thấy thư thái. Bấy giờ tôi mới sực nhận ra đó là tâm cảnh trước cái đẹp, là thủ pháp thường dùng trong văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong hội họa. Những thứ đó đều được phát triển ra từ sự đồng cảm*. Em hiểu ý đoạn văn trên như thế nào?

**Câu 5.** Tại sao tác giả cho rằng: *Người bình thường chỉ có thể đồng cảm với đồng loại hoặc cùng lắm là với động vật mà thôi, còn nghệ sĩ lại có lòng đồng cảm bao la quảng đại như tấm lòng trời đất, trải khắp vạn vật có tình cũng như không có tình?*

**Câu 6.** Viết đoạn văn (7 – 8 dòng) nêu suy nghĩ của em về ý nghĩa của sự thấu cảm trong cuộc sống.

**Gợi ý làm bài**

**Câu 1.**

* Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn bản trên: **nghị luận**
* Tác giả đã sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt**: nghị luận, tự sự, biểu cảm**
* Sự kết hợp đó có tác dụng:

+ Khắc phục hạn chế của văn nghị luận là khô khan, thiên về lí tính khó đọc, khó hiểu.

+ Đem lại sự cụ thể, sinh động cho văn nghị luận.

**Câu 2.**

- Sự khác biệt giữa lòng đồng cảm của người thường và lòng đồng cảm của người nghệ sĩ :

+ Người bình thường chỉ có thể đồng cảm với đồng loại hoặc cùng lắm là với động vật mà thôi,

+ Còn nghệ sĩ lại có lòng đồng cảm bao la quảng đại như tấm lòng trời đất, trải khắp vạn vật có tình cũng như không có tình.

* Cậu bé bứt rứt không yên và sắp xếp lại đồ vật vì cậu nhìn thấy những điều mà người lớn không thấy:

*+ “Đồng hồ quả quýt út mặt xuống bàn, nó bực bội lắm đấy!”.*

*+ “Chén trà nấp sau lưng mẹ thì làm sao uống sữa được?”*

*+ “Giày chiếc xuôi trước ngược, làm sao chúng nói chuyện được với nhau?”*

*+ “Bím tóc của bức tranh thòng ra trước, trông như con ma vậy.”*

**Câu 3.** Cảm xúc của tác giả trước suy nghĩ của cậu bé: phục sát đất tấm lòng đồng cảm phong phú của chú bé

**Câu 4.** *Vị trí đặt để chúng có dễ chịu, ta nhìn mới thấy thư thái. Bấy giờ tôi mới sực nhận ra đó là tâm cảnh trước cái đẹp, là thủ pháp thường dùng trong văn miêu tả, là vấn đề cấu trúc thường gặp trong hội họa. Những thứ đó đều được phát triển ra từ sự đồng cảm*

**Nghĩa là:** cốt lõi của nghệ thuật (văn miêu tả, cấu trúc hội họa) là các sự vật được nói đến phải hài hòa với nhau, giữa chúng có sự thấu hiếu nhau và đặc biệt người nghệ sĩ phải nhìn ra được nhu cầu hài hòa của tạo vật và sắp xếp chúng trong sự tương giao đồng cảm dù chúng không lời

**Câu 5.** Tác giả cho rằng: *Người bình thường chỉ có thể đồng cảm với đồng loại hoặc cùng lắm là với động vật mà thôi, còn nghệ sĩ lại có lòng đồng cảm bao la quảng đại như tấm lòng trời đất, trải khắp vạn vật có tình cũng như không có tình?*

**Tại vì**: tấm lòng đồng cảm của người thường chỉ hạn chế với đồng loại và con vật, trong khi người nghệ sĩ thì tinh tế hơn, nhạy cảm hơn, bao la quảng đại hơn, thấu hiểu tất cả vạn vật quanh mình. Bởi vậy, họ sẽ thấy những điều mà người thường không thấy, dễ dàng chia sẻ cả với tạo vật không lời

**Câu 6**: Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức: đảm bảo về số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành ;

- Nội dung: Ý nghĩa to lớn của sự thấu cảm với cuộc sống con người và xã hội

+ Ý nghĩa với cá nhân người có khả năng thấu cảm: có thể thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ với những tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ của người khác. Qua đó, ta sẽ được mọi người tin cậy, yêu thương. Đó chính là chìa khoá của thành công và hạnh phúc.

+ Ý nghĩa đối với những người xung quanh: Mọi người khi nhận được sự cảm thông, sẻ chia trong những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống sẽ vơi nhẹ nỗi buồn, có thêm động lực để vượt qua những khó khăn, thử thách.

+ Ý nghĩa với xã hội: Tạo dựng một xã hội thực sự nhân văn, tốt đẹp với những mối quan hệ giữa các cá nhân được gắn kết trong sự thấu cảm và tình thương.

**Đề số 02: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Họa sĩ đưa tấm lòng mình về trạng thái hồn nhiên như trẻ nhỏ để miêu tả trẻ em, đồng thời cũng đặt lòng mình vào biểu cảm đau khổ của người ăn mày để khắc họa ăn mày. Tấm lòng của họa sĩ thường đồng điệu đồng cảm, cùng buồn cùng vui, cùng khóc cùng cười với đối tượng miêu tả; nếu không có tấm lòng đồng cảm bao la như thế mà chăm chăm vào kĩ thuật vẽ thì chắc chắn không thể trở thành họa sĩ thực sự được. Dù có vẽ được thì tối đa cũng chỉ là thợ vẽ mà thôi.*

*Nhờ có tấm lòng đồng cảm bao la như thế nên họa sĩ cũng đồng thời có được sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật. Nếu nó không đủ khoáng đạt để đồng điệu với anh hùng thì không mô tả được anh hùng, nếu nó không đủ dịu dàng để hòa nhịp cùng thiếu nữ thì không khắc họa được thiếu nữ. Do đó, nghệ sĩ lớn ắt là những người có nhân cách vĩ đại.*

(Trích *Yêu và đồng cảm*, Phong Tử Khải, *Sống đơn thuần*, Tố Hinh dịch, NXB Hà Nội - Công ti Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, Hà Nội, 2020, tr.268)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn bản trên?

**Câu 2.** Theo tác giả *Yêu và đồng cảm*, người họa sĩ như thế nào thì chỉ được xem là thợ vẽ mà thôi?

**Câu 3.** Khi lập luận: *Tấm lòng của họa sĩ thường đồng điệu đồng cảm, cùng buồn cùng vui, cùng khóc cùng cười với đối tượng miêu tả*, tác giả đã đưa ra dẫn chứng nào? Tại sao tác giả lại chọn dẫn chứng đó?

**Câu 4.** Theo tác giả người nghệ sĩ muốn miêu tả anh hùng hoặc thiếu nữ thì phải làm thế nào?

**Câu 5.** Tại sao tác giả cho rằng: *Nhờ có tấm lòng đồng cảm bao la như thế nên họa sĩ cũng đồng thời có được sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật*?

**Câu 6.** Anh (chị) có đồng ý với tác giả: *nghệ sĩ lớn ắt là những người có nhân cách vĩ đại?* Tại sao?

Gợi ý:

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn bản trên: Nghị luận

**Câu 2.** Theo tác giả, Theo tác giả *Yêu và đồng cảm*, người họa sĩ chỉ được xem là thợ vẽ khi chỉ chăm chăm vào kĩ thuật vẽ

**Câu 3.** Khi lập luận: *Tấm lòng của họa sĩ thường đồng điệu đồng cảm, cùng buồn cùng vui, cùng khóc cùng cười với đối tượng miêu tả*, tác giả đã đưa ra dẫn chứng sau:

- Họa sĩ đưa tấm lòng mình về trạng thái hồn nhiên như trẻ nhỏ để miêu tả trẻ em,

- Đặt lòng mình vào biểu cảm đau khổ của người ăn mày để khắc họa ăn mày

Đây là 2 tình huống mà người nghệ sĩ không bao giờ thực sự được trải nghiệm, nhưng đây cũng là những đối tượng mà sự hồn nhiên chân thật nhất, sự đói nghèo, khốn cùng thì không thể giả dối được, người họa sĩ tài năng là phải thực sự sống cùng những nhân vật này để hiểu tận cùng tâm tư, khát vọng, mong muốn và suy nghĩ của họ để khắc họa chính xác những cung bậc cảm xúc của họ,…

**Câu 4.** Theo tác giả người nghệ sĩ muốn miêu tả anh hùng thì phải đồng điệu với anh hùng, khi khắc họa thiếu nữ thì phải đủ dịu dàng để hòa nhịp cùng thiếu nữ

**Câu 5.** Tác giả cho rằng: *Nhờ có tấm lòng đồng cảm bao la như thế nên họa sĩ cũng đồng thời có được sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật*, bởi vì:

Khi người nghệ sĩ có tấm lòng đồng cảm rộng lớn, họ sẽ yêu thương nhiều hơn, thấu cảm nhiều hơn, biết nhiều cuộc đời hơn và sống nhiều cuộc đời hơn. Nhờ đó, họ sẽ có thêm nhiều xúc cảm, thêm nhiều ánh nhìn, thêm nhiều suy nghĩ,… và khi đó, họ sẽ có sức mạnh tinh thần phong phú mà dư dật

**Câu 6.** Anh (chị) có đồng ý với tác giả: nghệ sĩ lớn là những người có nhân cách vĩ đại?

Hoàn toàn đồng ý vì: chính lòng đồng cảm giúp người nghệ sĩ được sống nhiều cuộc đời hơn, họ như hóa thân vào các nhân vật để nghĩ ý nghĩ của nhân vật, để thực hiện hành động của nhân vật, để sống cuộc đời của nhân vật kể cả đó là nhân vật có linh hồn hay là sự vật vô tri. Nhờ đó, người nghệ sĩ dễ nắm bắt được những tâm tư sâu kín của vạn vật mà xót xa, đồng điệu, thương cảm và thậm chí đối đầu với những thế lực tàn ác để bảo vệ những mảnh đời nhỏ bé, đáng thương.

**ĐỌC HIỂU VB NGOÀI SGK**

**Đề số 01: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Tấm gương là người bạn chân thật suốt một đời mình, không bao giờ biết xu nịnh ai, dù đó là kẻ vương giả uy quyền hay giàu sang hãnh tiến. Dù gương có tan xương nát thịt thì vẫn cứ nguyên tấm lòng ngay thẳng trong sạch như từ lúc mẹ cha sinh ra nó. Nếu ai có bộ mặt không xinh đẹp thì gương không bao giờ nói dối, nịnh xằng là xinh đẹp. Nếu ai mặt nhọ, gương nhắc nhở ngay. Nếu ai buồn phiền cau có thì gương cũng buồn phiền cau có theo như để an ủi, sẻ chia cho người đỡ buồn phiền sầu khổ.*

*Là người, ai dám tự bảo mình là trong sáng suốt đời như tấm gương kia. Thiếu gì kẻ ác độc, nịnh hót, hớt lẻo, dối trá, có kẻ còn tham lam mà bảo trắng là đen, gọi xấu là tốt đấy sao.  
Không một ai mà không soi gương, từ già đến trẻ, từ đàn ông đến đàn bà. Soi gương nhiều nhất có lẽ là các chị chúng ta, những cô gái càng xinh đẹp thì càng thích soi gương.*

*Không hiểu ông Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có lúc nào soi gương để buồn phiền cho gương mặt xấu xí của mình, để rồi làm ra bài phú “Hoa sen giếng ngọc” nổi tiếng bao đời. Anh Trương Chi nữa, anh ngồi trên con thuyền lơ lửng mặt sông, có soi vào dòng nước để tủi cho khuôn mặt mình, nên đành gửi lòng vào tiếng hát cho say đắm lòng cô gái cấm cung và bao người khác nữa… thành câu chuyện đau buồn.*

*Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn nếu có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẳm mà lòng không hổ thẹn.*

*Còn tấm gương bằng thuỷ tinh tráng bạc, nó vẫn là người bạn trung thực, chân thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác với bất cứ ai.*  
(Băng Sơn, *U tôi* -Theo sách *Ngữ văn 7*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2015, tr.84, 85)  
**Câu 1.** Chỉ ra đặc tính nổi bật của tấm gương được nêu trong văn bản.

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn sau và nêu hiệu quả của nó: *Tấm gương là người bạn chân thật suốt một đời mình, không bao giờ biết xu nịnh ai, dù đó là kẻ vương giả uy quyền hay giàu sang hãnh tiến*

**Câu 3.** Từ đặc tính của tấm gương, tác giả liên tưởng so sánh với điều gì trong cuộc sống? **Câu 4.** Thái độ mà tác giả muốn biểu đạt qua bài văn là gì?

**Câu 5.** *Không hiểu ông Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có lúc nào soi gương để buồn phiền cho gương mặt xấu xí của mình, để rồi làm ra bài phú “Hoa sen giếng ngọc” nổi tiếng bao đời. Anh Trương Chi nữa, anh ngồi trên con thuyền lơ lửng mặt sông, có soi vào dòng nước để tủi cho khuôn mặt mình, nên đành gửi lòng vào tiếng hát cho say đắm lòng cô gái cấm cung và bao người khác nữa… thành câu chuyện đau buồn.*

Anh chị hiểu đoạn văn trên như thế nào?

**Câu 6.** Anh/Chị có đồng tình với ý kiến *“Có một gương mặt đẹp soi vào gương quả là hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc càng trọn vẹn hơn nếu có một tâm hồn đẹp để mỗi khi soi vào tấm gương lương tâm sâu thẳm mà lòng không hổ thẹn”?* Vì sao?

Gợi ý:

**Câu 1.** Đặc tính nổi bật của tấm gương: trung thực, chân thành, thẳng thắn, trong sạch, không biết nói dối hay nịnh hót, ác độc với bất cứ ai.

**Câu 2.**

- Biện pháp nhân hóa khi nói về tấm gương: chân thật, không biết xu nịnh

- Hiệu quả:

+ Tấm gương được thổi cho một linh hồn, nó cũng có những cảm xúc, nghĩ suy, sự đồng cảm và chia sẻ

+ Đoạn văn trở nên sinh động, hấp dẫn,…

**Câu 3.** Từ đặc tính của tấm gương, tác giả liên tưởng so sánh với tính cách, phẩm chất của con người

**Câu 4.** Thái độ tác giả biểu đạt qua bài văn: biểu dương những con người trung thực, ngay thẳng, phê phán những kẻ xu nịnh, dối trá.

**Câu 5.** *Không hiểu ông Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi có lúc nào soi gương để buồn phiền cho gương mặt xấu xí của mình, để rồi làm ra bài phú “Hoa sen giếng ngọc” nổi tiếng bao đời. Anh Trương Chi nữa, anh ngồi trên con thuyền lơ lửng mặt sông, có soi vào dòng nước để tủi cho khuôn mặt mình, nên đành gửi lòng vào tiếng hát cho say đắm lòng cô gái cấm cung và bao người khác nữa… thành câu chuyện đau buồn*:

Tác giả tự đặt mình vào nhân vật Mạc Đĩnh Chi và Trương Chi để thấu hiểu cảm xúc của họ: họ có vẻ bề ngoài không đẹp, thậm chí là xấu xí nhưng tâm hồn trí tuệ họ thì đẹp đẽ thậm chí phi thường => Trong lời văn vừa chất chứa sự cảm thông, chia sẻ vừa thể hiện thái độ cảm phục, trân trọng

**Câu 6.** Học sinh trình bày quan điểm riêng và cần có những lí giải thuyết phục. Có thể theo hướng: đồng tình với ý kiến:

Vì: Vẻ đẹp của hình thức bên ngoài vốn là một hạnh phúc của con người; nhưng vẻ đẹp của tâm hồn bên trong sẽ càng làm con người hạnh phúc hơn, nhất là khi gắn liền với lương tâm và sự tự trọng. Trong cuộc sống, con người cần biết quý trọng vẻ đẹp bên ngoài nhưng điều quan trọng hơn là phải luôn tu dưỡng, rèn luyện đời sống tâm hồn, nhân cách bên trong để xứng đáng là Con Người

**Đề số 02: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Cuộc sống luôn có nhiều áp lực nên không phải lúc nào ta cũng có đủ vững chãi  để làm chủ hết bản thân, nhất là khi có những biến động bất ngờ. Trong những lúc tâm tư rối bời hoảng loạn hay chán chường lạc lõng, ta luôn ước ao có một người thân bên cạnh để được chia sẻ. Dù người ấy chẳng giúp ta giải quyết được vấn đề, thậm chí chẳng khuyên được một điều gì bổ ích, nhưng chỉ cần thái độ lắng nghe hết lòng cũng đủ khiến ta vơi đi rất nhiều phiền muộn rồi .Cho nên, được lắng nghe là nhu cầu không thể thiếu của con người. Thế nhưng, điều nghịch lý là ai cũng muốn người khác lắng nghe mình, còn mình lại không chịu lắng nghe ai cả.*

*(….) Nếu ta thực sự muốn giúp người kia vơi đi những nỗi khổ niềm đau đang đè nặng trong lòng, thì việc trước tiên là ta phải biết lắng nghe họ. Cũng như vị thầy thuốc trước khi chẩn mạch kê toa thì phải luôn quan sát thần sắc của bệnh nhân. Sau đó, lắng nghe thật kĩ càng những báo cáo hay những lời than thở về bệnh trạng. Khi ta quyết định lắng nghe một người đang khổ, tức là ta đang đóng vai thầy thuốc để chữa trị bệnh cho họ. Dù ta không phải nhà tâm lý trị liệu, nhưng với lòng chân thành và thái độ lắng nghe đúng đắn, chắc chắn ta sẽ giúp được người kia ít nhiều. Vì vậy mỗi khi chúng ta chuẩn bị lắng nghe, ta phải hỏi kỹ lại mình đã thật sự vào vai của một người cứu giúp chưa?*

( Theo Minh Niệm, *Hiểu về trái tim*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2017, tr.160-162)

**Câu 1.** Đoạn văn bản trên sử dụng thao tác lập luận chính nào?

**Câu 2.** Phân tích sự liên kết giữa các câu trong đoạn: (1)*Cuộc sống luôn có nhiều áp lực nên không phải lúc nào ta cũng có đủ vững chãi  để làm chủ hết bản thân, nhất là khi có những biến động bất ngờ. (2)Trong những* *lúc tâm tư rối bời hoảng loạn hay chán chường lạc lõng, ta luôn ước ao có một người thân bên cạnh để được chia sẻ. (3)Dù người ấy chẳng giúp ta giải quyết được vấn đề, thậm chí chẳng khuyên được một điều gì bổ ích, nhưng chỉ cần thái độ lắng nghe hết lòng cũng đủ khiến ta vơi đi rất nhiều phiền muộn rồi. (4)Cho nên, được lắng nghe là nhu cầu không thể thiếu của con người. (5)Thế nhưng, điều nghịch lý là ai cũng muốn người khác lắng nghe mình, còn mình lại không chịu lắng nghe ai cả.*

**Câu 3**. Theo tác giả, khi chúng ta lắng nghe cần có thái độ như thế nào?

**Câu 4**. Vì sao tác giả cho rằng: “ *khi ta quyết định lắng nghe một người đang khổ, tức là ta đang đóng vai thầy thuốc để chữa trị bệnh cho họ,”?*

**Câu 5.** Theo anh/chị, chúng ta cần lưu ý điều gì khi lắng nghe ai đó?

**Câu 6.** Thông điệp ý nghĩa nhất với anh chị từ văn bản trên.

Gợi ý:

**Câu 1.** Thao tác lập luận chính: Bình luận.

**Câu 2.** Sự liên kết giữa các câu trong đoạn:

***(1) – (2):* liên tưởng (***áp lực, những biến động bất ngờ - tâm tư rối bời hoảng loạn hay chán chường lạc lõng)*

*(2) – (3):* phép thế *(một người thân - người ấy)*

*(3) –(4):* Phép nối *(cho nên), phép lặp (lắng nghe – lắng nghe)*

*(4) –(5):* Phép nối *(thế nhưng), phép lặp (lắng nghe – lắng nghe)*

**Câu 3.** Theo tác giả, chúng ta “ *cần thái độ lắng nghe hết lòng*”.

**Câu 4.** Tác giả cho rằng: “*khi ta quyết định lắng nghe một người đang khổ, tức là ta đang đóng vai thầy thuốc để chữa trị bệnh cho họ”*vì khi được lắng nghe, người đang khổ sẽ cảm thấy được đồng điệu, được cảm thông, được san sẻ. Lúc ấy tâm trạng của họ sẽ khá hơn, do đó tác giả cho rằng người lắng nghe đóng vai trò là người thầy thuốc.

**Câu 5:** Chúng ta cần lưu ý khi lắng nghe ai đó:

- Ngừng trò chuyện, hãy lắng nghe, đừng làm phiền, đừng cắt ngang câu chuyện của họ.  
- Cổ vũ người nói để họ được tự nhiên, thoải mái bày tỏ nổi niềm.

- Hãy lắng nghe một cách chân thành và cảm thông với điều người khác chia sẻ.

**Câu 6.** HS rút ra thông điệp cho bản thân, chẳng hạn:

- Hãy lắng nghe để biết trân trọng cái đẹp từ tâm hồn

* Lắng nghe bằng cả trái tim

**DẠNG 2: KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT**

**Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của anh chị về ý nghĩa của việc lắng nghe trong cuộc sống**

**Gợi ý dàn ý**

### \* Rubrics đánh giá đoạn văn:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mô tả tiêu chí** | **Đạt/ Chưa đạt** |
| **Hình thức** | - Đảm bảo hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 150 chữ) |  |
| - Không đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng  của đoạn văn |  |
| **Nội dung** | - Xác định đúng yêu cầu của đề bài: ý nghĩa của việc lắng nghe trong cuộc sống. |  |
| * Làm sáng tỏ vấn đề nghị luận bằng lí lẽ và dẫn chứng:   + Lắng nghe giúp thấu hiểu thế giới xung quanh -> Lắng nghe để kết nối thế giới  + Lắng nghe giúp thấu hiểu chính mình -> Lắng nghe giúp con người tự hoàn thiện bản thân |  |
| Rút ra nhận thức của người viết |  |
| **Chính tả, ngữ pháp** | Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| **Sáng tạo** | Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**Đoạn văn tham khảo:**

Phải “lắng” thì mới “nghe” được, lắng” là để “nghe” trọn vẹn. Bạn lắng nghe để hiểu những người xung quanh nhiều hơn để được sống trong yêu thương và cũng vọng lên những tiếng yêu thương. Sức mạnh của lắng nghe sẽ là nấc thang nâng bước chân của ta tiến gần hơn tới sự thành công. Ta càng đón nhận những âm thanh xung quanh, càng mở lòng với những phận đời và phận người thì mới càng chiêm nghiệm, thấu hiểu được những khía cạnh của cuộc sống, càng biết cách sống sao cho ý nghĩa. Mỗi lần lắng nghe là mỗi lần ta tiếp thu được tri thức, học hỏi được kinh nghiệm nhiều hơn. Khi bạn toàn tâm toàn ý lắng nghe ai đó, đôi lúc bạn có thể nhận ra “chuyện của mình” trong chính “chuyện của người” và đúc rút được những bài học quý giá cho bản thân từ câu chuyện của người khác. Bên cạnh đó, biết lắng nghe, con người có thể thấy được những nhận xét, đánh giá của người khác về bản thân, có cái nhìn khách quan, toàn diện về chính mình từ đó phát huy điểm mạnh, hạn chế, khắc phục những thiếu sót. Đồng thời, khi ta lắng nghe, ta có thể thấu hiểu nhau hơn, nhận ra được tính cách của nhau và gắn kết, tạo lập những mối quan hệ tốt đẹp, bền vững. Lắng nghe còn là biện pháp hữu hiệu để giải quyết xung đột, mâu thuẫn... Kỹ năng lắng nghe sẽ đưa bạn thoát mình ra khỏi chiếc kén của sự vô minh và cất cao đôi cánh bay đến ngưỡng cửa của sự trưởng thành, chín chắn và thấu đáo, sáng suốt và khôn ngoan.

**ÔN TẬP VĂN BẢN 3: CHỮ BẦU LÊN NHÀ THƠ (TRÍCH)**

**- LÊ ĐẠT -**

**I. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

**1. Tác giả Lê Đạt** :

- Năm 2006, Lê Đạt được tặng Giải thưởng Nhà nước về Văn học nghệ thuật

- Lê Đạt luôn có ý thức tìm tòi, cách tân, đề cao lao động chữ nghĩa, tự nhận mình là “**phu chữ”**

**2. Văn bản: “Chữ bầu lên nhà thơ”**

**a. Ý nghĩa nhan đề**

– “Chữ”: không chỉ hiểu đơn giản là vỏ âm thanh mà quan trọng đó chính là ngôn ngữ được sử dụng, tổ chức một cách nghệ thuật.

– “Chữ bầu lên nhà thơ”: là khẳng định vai trò của ngôn ngữ đối với nhà thơ. Ngôn ngữ góp phần: chuyên chở điệu hồn thi nhân; khẳng định tài năng, phong cách của người nghệ sĩ; tôn vinh vị thế nhà thơ.

– Ngôn ngữ là chất liệu, yếu tố đầu tiên của văn học. Ngôn ngữ thơ là tinh hoa tối cao của ngôn ngữ, là kiến trúc ngôn từ đặc biệt.

– Bản chất của thơ là trữ tình. Tiếng lòng của nhà thơ chỉ có thể được vang lên, được hữu hình hóa thành câu chữ, âm thanh, nhịp điệu.

**=>Lao động thơ thực chất là lao động chữ nghĩa, đòi hỏi tài năng, sự sáng tạo và tâm huyết của nhà thơ.**

**b. Tóm tắt văn bản**

Văn bản “Chữ bầu lên nhà thơ” bày tỏ quan niệm về nhà thơ, về quá trình làm thơ của tác giả Lê Đạt. Theo  tác giả, nhà thơ là một nghề nghiệp không dễ làm, để tạo ra một bài thơ thì nhà thơ cần phải thông qua một cuộc bầu cử chữ. Chữ trong thơ cũng không giống chữ trong văn chương, không thể chỉ hiểu theo nghĩa từ điển mà phải hiểu theo “ý tại ngôn ngoại”. Trong quá trình sáng tạo chữ, nhà thơ sẽ có những phút bất chợt, những cảm hứng ngắn ngủi hoặc phải làm việc chăm chỉ trên những trang giấy để tạo ra những câu thơ hay và ý nghĩa. Một nhà thơ có thành công tạo ra một bài thơ xuất sắc hay không là phải nhờ vào ngôn ngữ, ý nghĩa thơ.

**c. Giá trị nội dung và nghệ thuật**

**- Giá trị nội dung**

- Bàn về vai trò của chữ trong thơ: “Chữ bầu lên nhà thơ”, tạo nên phong cách riêng, tạo nên số phận cho nhà thơ

- Yêu cầu với người làm thơ: luôn phải miệt mài dụng tâm lao động chữ

**- Giá trị nghệ thuật**

- Ngôn từ chắt lọc, được lựa chọn kĩ càng, có sức thuyết phục cao

- Cách triển khai ý và luận điểm trong văn bản rõ ràng, logic

- Văn phong tự nhiên, ngắn gọn, cô đúc, dễ tiếp nhận

**II. LUYỆN TẬP**

**DẠNG 1: TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Nhan đề *Chữ bầu lên* nhà thơ có ý nghĩa gì?

1. Vai trò của việc dùng chữ với sự thành công của nhà thơ
2. Nhà thơ thì phải có tài năng dùng chữ
3. Chữ giúp nhà thơ nói hộ tâm tư, tình cảm
4. Phong cách riêng của nhà thơ thể hiện qua việc dùng chữ

**Câu 2.** Ngay từ đầu văn bản, nhà thơ đã tóm tắt lại một số ý kiến phát biểu tại cuộc Hội thảo Văn Miếu và trong tập *Bóng chữ*. Điều này có ý nghĩa:

1. Đưa lí lẽ làm căn cứ cho lập luận ở phía sau
2. Nhằm ca ngợi vẻ đẹp của thơ
3. Đưa dẫn chứng khẳng định sự khác biệt trong việc dùng chữ giữa thơ và văn xuôi, làm căn cứ cho lập luận phía sau
4. Khiến nhịp văn trở nên dứt khoát, mạnh mẽ

**Câu 3.** Anh (chị) hiểu *nghĩa tiêu dùng* của chữ như thế nào?

1. Là nghĩa thường hay được dùng hàng ngày
2. Là nghĩa của ngôn ngữ được dùng trong kinh doanh
3. Là nghĩa của từ đem lại giá trị cao trong giao tiếp
4. Là nghĩa giúp nhà thơ đạt thành công khi sử dụng

**Câu 4.** Anh chị hiểu nghĩa của từ *hóa trị* trong câu văn sau như thế nào?

*Chữ trong thơ và văn xuôi tuy giống nhau về hình thức nhưng khác nhau về hóa trị*

1. Khả năng gợi liên tưởng và kết nối khác nhau giữa các con chữ
2. Khả năng liên kết nguyên tử hay một gốc nào đó với một số các nguyên tử hoặc gốc khác theo những tỉ lệ xác định
3. Giá trị của chữ trong thơ
4. Vẻ đẹp khác nhau của con chữ trong thơ và văn xuôi

**Câu 5.** Lê Đạt ưa kiểu nhà thơ nào?

1. Nhà thơ viết tức khắc trong những phút bốc đồng
2. Nhà thơ thiên phú
3. Nhà thơ thần đồng
4. Nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ

**Câu 6.** Đâu là những nhà thơ mà ở vào buổi chiều tóc bạc vẫn thu hoạch những mùa thơ dậy thì?

1. **Lý Bạch, Xa-a-đi, Gớt, Ta-go**
2. Gớt, Ta-go, Pi-cát-xô, Lý Bạch
3. Vích-to Huy-gô, Lý Bạch, Xa-a-đi, Gớt, Ta-go
4. Xa-a-đi, Gớt, Ta-go, Tôn-xtôi

**Câu 7.** Theo tác giả Lê Đạt, cái trẻ, cái già của nhà thơ quyết định do cái gì?

1. Tuổi trời
2. Nội lực của chữ
3. Tài năng thiên bẩm
4. Niềm yêu thích của độc giả

**DẠNG 2: ĐỌC HIỂU**

**Đề bài: Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

Người ta hay nói đến công phu người viết tiểu thuyết. Tôn-xtôi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết đồ sộ *Chiến tranh và hòa bình*. Phlô-be cân nhắc chữ trên cân tiểu ly như một thầy lang bốc những vị thuốc công phạt có thể chết người.

Nhưng các nhà lí thuyết ít nói đến công phu của nhà thơ. Ngược lại thiên hạ sính ca tụng những nhà thơ viết tức khắc trong những cơn bốc đồng, những nhà thơ thiên phú.

Trời cho thì trời lại lấy đi. Những cơn bốc đồng thường ngắn ngủi.

Tôi rất biết *những câu thơ hay đều kỳ ngộ*, nhưng là kỳ ngộ kết quả của một thành tâm kiên trì, một đa mang đắm đuối, làm động lòng quỷ thần, chứ không phải may rủi đơn thuần.

Làm thơ không phải đánh quả. Và không ai trúng số độc đắc suốt đời.

Có người hiểu lầm câu nói của Trang Tử *vứt thánh bỏ trí* để coi thường việc học tập, rèn luyện, làm như Trang Tử khuyến khích một nỗ lực vô văn hóa.

*Vứt thánh bỏ trí* được lắm. Nhưng trước khi vứt, khi bỏ phải có đã chứ.

Tôi rất ghét cái định kiến quái gở, không biết xuất hiện từ bao giờ: các nhà thơ Việt Nam thường chín sớm nên cũng tàn lụi sớm.

Đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho.

Mà trời tuy là kho vô tận, thường khi cũng bủn xỉn lắm. Hình như tất cả những người “cho” đều bủn xỉn. Và hoàn toàn sống dựa vào viện trợ, dầu là hào phóng, vô tư nhất nhiều khi còn khổ quá đi ăn mày.

Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ.

(Trích *Chữ bầu lên nhà thơ*, Lê Đạt, *Đối thoại với đời và thơ*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2011, tr. 87)

**Câu 1.** Để chứng minh cho công phu người viết tiểu thuyết, Lê Đạt đã đưa ra dẫn chứng nào?

**Câu 2.** Người như thế nào thì được cho là nhà thơ thiên phú?

**Câu 3.** Tác giả cho rằng cái kì ngộ của những câu thơ hay là kết quả của điều gì?

**Câu 4.** *Vứt thánh bỏ trí* được lắm. Nhưng trước khi vứt, khi bỏ phải có đã chứ.

Theo anh/chị “có” ở đây là có điều gì?

**Câu 5.** Tại sao tác giả ghét những nhà thơ chín sớm nên tàn lụi sớm?

**Câu 6.** Anh/ chị có đồng tình với suy nghĩ của Lê Đạt: “Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ.” Tại sao?

Gợi ý:

**Câu 1.** Để chứng minh cho công phu người viết tiểu thuyết, Lê Đạt đã đưa ra dẫn chứng:

- Tôn-xtôi đã chữa đi chữa lại nhiều lần cuốn tiểu thuyết đồ sộ *Chiến tranh và hòa bình*.

- Phlô-be cân nhắc chữ trên cân tiểu ly như một thầy lang bốc những vị thuốc công phạt có thể chết người.

**Câu 2.** Người được cho là nhà thơ thiên phú: viết tức khắc trong những cơn bốc đồng, có thể viết được là do trời cho

**Câu 3.** Tác giả cho rằng cái kì ngộ của những câu thơ hay là kết quả của một thành tâm kiên trì, một đa mang đắm đuối, làm động lòng quỷ thần, chứ không phải may rủi đơn thuần.

**Câu 4.** *Vứt thánh bỏ trí được lắm*. Nhưng trước khi vứt, khi bỏ phải có đã chứ. Theo em, “có” ở đây là: Có tài năng đồng thời có cả sự nỗ lực kiên trì, có sự lao động nghệ thuật một cách miệt mài, bền bỉ

**Câu 5.** Tác giả ghét những nhà thơ chín sớm, tàn lụi sớm vì theo ông đó là những nhà thơ chủ yếu sống bằng vốn trời cho

**Câu 6:** Anh chị có đồng tình với suy nghĩ của Lê Đạt: “Tôi không mê những nhà thơ thần đồng. Tôi ưa những nhà thơ một nắng hai sương, lầm lũi, lực điền trên cánh đồng giấy, đổi bát mồ hôi lấy từng hạt chữ.” Tại sao?

* Có thể đồng tình, vì: Tất cả mọi thành quả đều phải bắt nguồn từ sự lao động miệt mài thì thành quả đó mới đáng trân trọng
* Đồng tình với tác giả nhưng vẫn trân trọng những tài năng thiên bẩm, vì: Cái tài nào cũng đáng trọng, dù là trời cho hay do tự thân nỗ lực cố gắng, nếu con người có được cả hai điều đó thì càng đáng trân quý

**DẠNG 3: KẾT NỐI ĐỌC – VIẾT**

**Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: Thành công bắt đầu từ đâu?**

### \* Rubrics đánh giá đoạn văn:

|  |  |
| --- | --- |
| **Viết đoạn văn trả lời câu hỏi: Thành công bắt đầu từ đâu?** | **Đạt/chưa đạt** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận*  Mở đoạn nêu được vấn đề, Thân đoạn triển khai được vấn đề, Kết đoạn khái quát được vấn đề. |  |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  **Trả lời câu hỏi: Thành công bắt đầu từ đâu?** |  |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| \* Giới thiệu vấn đề nghị luận. |  |
| **\* Đưa lí lẽ, dẫn chứng để trả lời thuyết phục cho câu hỏi: Thành công bắt đầu từ đâu?**   * Không có sự thành công nào mà không nếm trắc trở, đắng cay, và cũng không có sự thành công vĩnh cửu nếu ta không cố gắng liên tục. * Đôi khi, thành công đến sau mỗi thất bại, vì vậy, nếu bỏ cuộc giữa chừng thì bạn không bao giờ vươn tới mục tiêu của mình. * Thành công sẽ đến khi chúng ta cố gắng hết sức: Luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, kiên trì, bền bỉ * Thành công đến khi bạn không ngừng hoàn thiện bản thân, luôn học tập, trau dồi kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm * Thành công cũng không đến với những người không chịu thay đổi theo chiều hướng tích cực và cũng không ở lại quá lâu với những ai dễ dàng hài lòng với bản thân. |  |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. |  |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. |  |

**Đoạn văn tham khảo:**

Ai cũng biết rằng, thời gian không ngừng chảy, cuộc sống không ngừng trôi và để không bị cuốn chìm trước dòng đời ấy thì mỗi chúng ta cần có sự nỗ lực từng ngày để vươn tới thành công. **Thành công bắt đầu từ đâu?** Nick Vuijicic khi sinh ra đã không đủ tứ chi, nếu anh không có sự nỗ lực từng ngày tập sống như một người bình thường vượt qua số phận thì sao có thể trở thành một diễn giả nổi tiếng như ngày hôm nay? Leonardo Davinci nếu như không trải qua những tháng ngày tập vẽ từng quả trứng thì sao có thể trở thành một danh họa kiệt xuất của thế giới như bây giờ? Các vận động viên nếu không phải trải qua những tháng ngày luyện tập gian khổ thì sao có thể mang về những tấm huy chương vàng? Thành công sẽ đến khi chúng ta cố gắng hết sức: Luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, kiên trì, bền bỉ. Thử hỏi nếu không kiên trì, bền bỉ, không trau dồi kiến thức, kinh nghiệm sau mỗi lần thất bại, Ê-đi-xơn làm sao có thể trở thành người đem đến “Mặt trời thứ hai” cho nhân loại? Không có sự thành công nào mà không nếm trắc trở, đắng cay, và cũng không có sự thành công vĩnh cửu nếu ta không cố gắng liên tục. Đôi khi, thành công đến sau mỗi thất bại, vì vậy, nếu bỏ cuộc giữa chừng thì bạn không bao giờ vươn tới mục tiêu của mình. Thành công sẽ đến khi chúng ta cố gắng hết sức: Luôn nỗ lực vượt qua khó khăn, kiên trì, bền bỉ. Thành công đến khi bạn không ngừng hoàn thiện bản thân, luôn học tập, trau dồi kiến thức, kĩ năng và kinh nghiệm. Thành công cũng không đến với những người không chịu thay đổi theo chiều hướng tích cực và cũng không ở lại quá lâu với những ai dễ dàng hài lòng với bản thân. Việc bản thân chúng ta tự nỗ lực mỗi ngày có vai trò quyết định đến sự thành công trong cuộc đời là vậy. Đó là biểu hiện tuyệt vời của lòng can đảm, của ý chí, nghị lực. Đó là sức mạnh giúp đôi cánh ước mơ mỗi chúng ta được bay cao, bay xa…

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: LỖI VỀ MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT TRONG ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN: DẤU HIỆU NHẬN BIẾT VÀ CÁCH CHỈNH SỬA**

**BIIB**

**(**

**lÀM**

**I.** **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT: Nhắc lại kiến thức về lỗi về mạch lạc và liên kết trong đoạn văn, văn bản: dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại lỗi** | **Biểu hiện** | **Cách sửa** |
| **Lỗi liên kết trong đoạn văn** | Giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản không có phương tiện kết nối cần thiết hoặc có nhưng không phù hợp, khiến đoạn văn hay văn bản trở nên rời rạc. | - Xác định phương tiện kết nối cần có giữa các câu hoặc giữa các đoạn văn.  - Thay thế hoặc bỏ cụm từ đảm nhiệm chức năng kết nối đã bị dùng sai.  - Nếu chưa có phương tiện kết nối cần thiết thì phải bổ sung. Có thể viết thêm câu, đoạn phù hợp nhằm khắc phục sự đứt đoạn của mạch trình bày. |
| **Lỗi mạch lạc trong đoạn văn** | Các câu trong đoạn văn hoặc các đoạn văn trong văn bản không cùng nói về một chủ đề hoặc có câu, đoạn văn được triển khai lạc khỏi chủ đề chung đã xác định. | - Lựa chọn hoặc xác định đúng chủ đề của đoạn văn hoặc văn bản.  - Gạch bỏ hoặc sửa lại các câu, đoạn văn không hướng vào chủ đề.  - Viết thêm câu hoặc đoạn văn phát triển chủ đề. |

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Dạng 1: Trắc nghiệm: Hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

**Câu 1:** Điều kiện để một văn bản có tính mạch lạc?

A. Các sự kiện, sự việc phải xoay quanh những sự kiện trọng tâm

B. Các phần, các đoạn trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lý, trước sau hô ứng nhau nhằm làm chủ đề liền mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc

C. Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện một chủ đề chung xuyên suốt

**D. Cả B và C đều đúng**

**Câu 2:**  Mạch lạc trong văn bản là gì?

A. Các phần, các đoạn, các câu trong văn bản đều nói về một đề tài, biểu hiện chủ đề chung xuyên suốt

B. Mạch lạc là sự rõ ràng về mặt nội dung trong cách triển khai văn bản

**C. Các phần đoạn, câu trong văn bản được tiếp nối theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, trước sau hô ứng nhằm làm rõ chủ đề liền mạch và gợi được nhiều hứng thú cho người đọc**

D. Cả A và C

**Câu 3:** Một văn bản có tính mạch lạc là

A. Có nhiều chủ đề nhỏ nhưng thống nhất trong chủ đề chung của cả văn bản

B. Có chủ đề thống nhất

C. Các phần, đoạn trong văn bản được liên kết với nhau liền mạch

**D. Cả A,B,C**

**Câu 4:** Liên kết trong văn bản là gì?

**A. Liên kết là một trong những tính chất quan trọng nhất của văn bản, làm cho văn bản trở nên có nghĩa và dễ hiểu**

B. Liên kết là sự móc nối các đoạn, các phần của văn bản với nhau

C. Liên kết là sự kết nối tác phẩm này với tác phẩm khác, tạo nên sự liên kết về mặt chủ đề, đề tài giữa các tác phẩm

D. Cả 3 đáp án trên đều đúng

**Câu 5:** Để văn bản có tính liên kết, người viết hoặc người nói cần làm gì?

A. Phải làm cho nội dung của các câu, các đoạn thống nhất, gắn bó chặt chẽ với nhau

B. Phải biết kết nối câu, đoạn văn đó bằng từ ngữ, câu… thích hợp

**C. Cả A và B đều đúng**

D. Cả A và B đều sai

**Câu 6:** Trong văn bản có thể không cần đáp ứng yêu cầu về tính liên kết, chỉ cần đáp ứng được tính mạch lạc, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

**Dạng 2: Tự luận**

**Bài tập 1:**  **Nêu nhận xét khái quát về mạch lạc và liên kết trong văn bản *Chữ bầu lên nhà thơ* (Lê Đạt, tr82 – 84 SGK)**

**Gợi ý:**

- Mạch lạc trong văn bản *Chữ bầu lên nhà thơ* được thể hiện rất rõ qua sự chi phối của một luận đề thống nhất đối với nội dung tất cả các đoạn, các câu: Vai trò của việc dùng chữ với sự thành công của nhà thơ.

- Liên kết ở đây cũng dễ được nhận biết nhờ các phép nối, phép thế, phép lặp, phép liên tưởng được sử dụng thường xuyên và có hiệu quả.

Xét riêng đoạn (2):

+ Có thể thấy sự xuất hiện của những từ ngữ như “nhưng, và, cũng, có lẽ vì vậy”,

+ Hệ thống các từ ngữ lặp lại, hoặc cùng một trường liên tưởng tương đồng – tương phản:

.*tiểu thuyết, thơ, câu thơ hay, các nhà thơ Việt Nam, các nhà thơ thần đồng;*

*. thần đồng, thiên phú, may rủi, trời cho, trúng số độc đắc;*

*. một thành tâm kiên trì, rèn luyện, nỗ lực, một nắng hai sương;*

*. bầu, ứng cử, cử tri chữ, tái cử, bỏ phiếu;…*

khiến cho các câu văn gắn nối thành một dòng liên tục.

+ Trong mối quan hệ với đoạn (1), đoạn (2) chứa nội dung đã được giới thiệu trước đó qua cụm từ “công phu người viết tiểu thuyết, công phu của nhà thơ”;

+ Còn trong mối quan hệ với đoạn (3), đoạn (2) nêu các vấn đề mà sau đó sẽ được tiếp nối qua từ “con đường thơ”.

- Như vậy, rõ ràng cả ba đoạn có sự liên kết với nhau rất chặt.

(GV có thể gợi ý cho HS vẽ một sơ đồ đơn giản để biểu thị sự liên kết trong nội bộ đoạn (2) và giữa đoạn( 2) với hai đoạn trước và sau đó:

Sự khác nhau giữa dùng chữ trong thơ và trong văn xuôi -> Việc dùng chữ trong thơ công phu, khắc nghiệt như một cuộc bầu cử -> Việc dụng chữ tạo nên con đường thơ cho mỗi nhà thơ

**Bài tập 2: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*Thế giới mạng quả rất hấp dẫn nhưng nó không thể thay thế được thế giới thật quanh ta. Mọi thiết bị dù hoàn hảo đến đâu cũng chỉ là công cụ phục vụ cho cuộc sống của con người.* *Thật không nên để công cụ trở thành “ông chủ” của mình, chi phối mình trong cuộc sống. Một chiếc điện thoại thông minh là bạn của ta, nhưng đây không phải là người bạn duy nhất, chưa kể, đó chỉ là “người bạn công nghệ”. Mọi nhận thức sai lạc xung quanh vấn đề này dễ khiến ta đánh mất vai trò của một chủ thể tích cực trong cuộc sống.*

(Trích *Điện thoại thông minh và người dùng, ai là ông chủ?* Sách *Ngữ văn 10*, tập 1, *Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục, tr.90)

**Câu 1:** Tại sao văn bản trên được coi là một đoạn văn?

**Câu 2:** Hãy chỉ ra mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên.

**Câu 3:** Dấu hiệu nào cho thấy mạch lạc giữa đoạn văn này và các đoạn văn khác của văn bản

*Điện thoại thông minh và người dùng, ai là ông chủ?*

**Câu 4:** Trong đoạn văn, những từ ngữ nào được lặp lại nhiều lần? Cách dùng từ ngữ như vậy có tác dụng gì?

**Gợi ý:**

**Câu 1:** Văn bản trên được coi là đoạn văn vì:

- Về nội dung: Đoạn tập trung bàn về mối quan hệ giữa chiếc điện thoại thông minh và con người

- Về hình thức: Có dấu hiệu mở đầu viết hoa lùi đầu dòng, kết thúc bằng dấu chấm câu. Các câu có sự liên kết với nhau.

**Câu 2:** Sự mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn trên:

- Các câu đều tập trung bàn về mối quan hệ giữa chiếc điện thoại thông minh và con người

- Câu 1, 2, 3, 4: Khẳng định thái độ với chiếc điện thoại: coi đó là công cụ, là bạn của con người; cụ thể:

+ Câu 1: Khẳng định Thế giới mạng không thể thay thế được thế giới thật quanh ta

+ Câu 2: Coi mọi thiết bị chỉ là công cụ phục vụ cho cuộc sống của con người

+ Câu 3: Khẳng định không nên để công cụ trở thành ông chủ của mình, chi phối mình trong cuộc sống

+ Câu 4: Tiếp tục khẳng định: Chiếc điện thoại chỉ là bạn của con người

+ Câu 5: Đánh giá sự nhìn nhận sai lạc của một bộ phận người, tự đánh mất vai trò chủ thể tích cực của mình trong cuộc sống

**Câu 3:** Dấu hiệu cho thấy mạch lạc giữa đoạn văn này và đoạn văn khác của văn bản Điện thoại thông minh và người dùng, ai là ông chủ?: Các đoạn văn cùng tập trung vào việc thể hiện chủ đề chung: Điện thoại thông minh rất hữu ích với con người nhưng nó chỉ là công cụ phục vụ cho cuộc sống con người

**Câu 4:**

- Trong đoạn văn, những từ ngữ được lặp lại nhiều lần: thế giới mạng; điện thoại thông minh

- Cách dùng từ ngữ như vậy có tác dụng liên kết các câu trong đoạn với nhau.

**Bài tập 3:**  Tìm và sửa lỗi cho các đoạn văn sau:

**Đoạn 1:**

“Cảnh vật trong bài thơ “Câu cá mùa thu” của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ. Ngõ trúc quanh co, sóng nước gợn tí, lá vàng đưa vèo, chiếc thuyền bé tẻo teo. Cảnh vật dường như ngưng đọng, im lìm. Bởi vậy, nét bút của Nguyễn Khuyến đã tạo dựng được rất thành công cảnh sắc im ắng ấy”. (Theo Nguyễn Quang Ninh)

**Gợi ý:**

- Lỗi sai: Dùng sai từ quan hệ “bởi vậy”: Cảnh vật được Nguyễn Khuyến miêu tả trong bài thơ không thể là nguyên nhân để “Nguyễn Khuyến tạo dựng rất thành công cảnh sắc rất im lìm ấy”.

- Đoạn văn có thể sửa lại là: Cảnh vật trong bài thơ “Câu cá mùa thu” của Nguyễn Khuyến thật là vắng vẻ. Ngõ trúc quanh co, sóng nước gợn tí, lá vàng đưa vèo, chiếc thuyền bé tẻo teo… Cảnh vật dường như ngưng đọng, im lìm. Bởi vậy ta thấy cảnh vật trong thơ Nguyễn Khuyến chứa đựng một nỗi buồn man mác.

**Đoạn 2:**

*Chính Hữu là nhà thơ – chiến sĩ. Thế nhưng tác giả đã khắc họa thật chân thực, sinh động hình tượng anh bộ đội Cụ Hồ. Các anh phải vượt qua bao nhiêu gian nan, thiếu thốn vì vẫn gắn bó bấy nhiêu với nhau trong nghĩa tình đồng chí thiêng liêng.*

**Gợi ý:**

- Lỗi sai:

+ Lỗi liên kết trong câu: ở câu 3, dùng từ nối “vì” không hợp với logic giữa hai mệnh đề của câu, phải thay bằng từ nối “ mà”.

+ Lỗi liên câu với câu trong đoạn: ở câu thứ 2, dùng từ nối “Thế nhưng” không hợp logic giữa câu 1 và câu 2, phải bỏ từ “Thế nhưng” để 2 câu trên hợp logic.

- Chữa lỗi:

*Chính Hữu là nhà thơ – chiến sĩ. Tác giả đã khắc họa thật chân thực, sinh động hình tượng anh bộ đội Cụ Hồ. Các anh phải vượt qua bao nhiêu gian nan, thiếu thốn mà vẫn gắn bó bấy nhiêu với nhau trong nghĩa tình đồng chí thiêng liêng.*

**Bài tập 4:** Đọc lại các đoạn văn, các bài làm văn của anh (chị) đã viết trong các tiết ôn tập trước, hãy phân tích và sửa chữa các lỗi dùng từ về ngữ pháp, lỗi lặp từ, lặp nghĩa, lỗi dùng từ không đúng phong cách ngôn ngữ (nếu có).

**ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:**

**BÀI LUẬN THUYẾT PHỤC NGƯỜI KHÁC TỪ BỎ MỘT THÓI QUEN HAY MỘT QUAN NIỆM**

**I**. **NHẮC LẠI LÍ THUYẾT**

**1. Đặc điểm của bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm**

**-** Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm là nêu ý kiến, sử dụng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người có thói quen, quan niệm chưa đúng, tiêu cực thay đổi theo chiều hướng đúng đắn, tích cực.

+ *Thói quen* là những cử chỉ, hành động lặp đi lặp lại lâu ngày.

Ví dụ về thói quen xấu: thói quen vứt rác bừa bãi; lãng phí thời gian, ỷ lại người khác*,* dùng thuốc kháng sinh tuỳ tiện,…

*+ Quan niệm* là cách hiểu, cách nhận thức,… của mỗi người về một vấn đề.

Ví dụ về quan niệm chưa đúng đắn như: có tiền là có tất cả, không chơi với những bạn học kém hơn, im lặng là vàng,...

+ Vấn đề có thể là một tư tưởng, đạo lí; một hiện tượng có thực trong đời sống con người hoặc một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

**2. Yêu cầu đối với bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm**

- Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.

- Chỉ ra được các biểu hiện hoặc khía cạnh của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.

- Phân tích tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng.

- Nêu những giải pháp mà người được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.

**3. Dàn ý chung của bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm**

**\* Mở bài:**

Nêu thói quen hay quan niệm mà người viết chuẩn bị thuyết phục người khác từ bỏ (có thể gợi ra bối cảnh của việc thuyết phục và xác định vị thế phát ngôn của người viết).

**\* Thân bài (cần triển khai các ý):**

- Biểu hiện của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ.

- Lý do nên từ bỏ thói quen hay quan niệm đó.

- Cách từ bỏ và các bước từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.

- Dự đoán sự đồng tình, ủng hộ của những người xung quanh khi người được thuyết phục từ bỏ thói quen hay quan niệm không phù hợp.

**\* Kết bài:** nêu ý nghĩa của việc từ bỏ thói quen hay quan niệm đã được đề cập.

**II.** **THỰC HÀNH VIẾT**

**Đề 01:** Lạm dụng thuốc kháng sinh là một thói quen phổ biến của nhiều người hiện nay. Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**Đề 02:** Một người bạn của anh/chị luôn tin tưởng và hành động theo phương châm “Im lặng là vàng”. Hãy viết bài văn nghị luận để thuyết phục người bạn đó cần nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn.

**Đề 03:** Trì hoãn công việc là thói quen xấu của nhiều người hiện nay. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**Đề 04:** Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

🡺**GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài văn nghị luận:**

|  |
| --- |
| **Đề 01:** Lạm dụng thuốc kháng sinh là một thói quen phổ biến của nhiều người hiện nay. Anh/chị hãy viết một bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này. |

**Gợi ý**

**1. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết:

Mọi người cần từ bỏ việc lạm dụng thuốc kháng sinh bởi thói quen này dẫn đến nhiều nguy cơ mà con người phải đối mặt trong điều trị bệnh tật.

**2. Thân bài:** Triển khai vấn đề cần nghị luận: Người viết có thể sắp xếp các ý theo trật tự khác nhau, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh:

- **Giải thích thế nào là thuốc kháng sinh, lạm dụng thuốc kháng sinh và trình bày thực trạng** lạm dụng thuốc kháng sinh hiện nay trong cộng đồng:

+ Kháng sinh là các loại thuốc được con người phát minh để chống lại khả năng phát triển, sinh sôi của vi khuẩn gây bệnh và tiêu diệt chúng.

+ Lạm dụng thuốc kháng sinh là sử dụng sai, bừa bãi, không đúng loại thuốc, không đúng liều lượng các loại thuốc kháng sinh khi mắc bệnh.

+ **Hiện nay, tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh đang gia tăng ở nước ta và trên thế giới.** Ở nước ta việc mua thuốc kháng sinh dễ như mua rau, bán kháng sinh dễ như bán tạp hóa khiến cho nhiều người chỉ mới cảm sốt hay ho, dù chưa cần dùng đến kháng sinh, nhưng cũng có thể tự ý sử dụng kháng sinh.

Dẫn chứng: Từ năm 2009 đến nay, số lượng thuốc kháng sinh ở Việt Nam bán ra ngoài cộng đồng đã tăng gấp 2 lần. Nguyên nhân chính là do lạm dụng kháng sinh, có tới 88% kháng sinh tại thành thị được bán ra mà không cần kê đơn, ở nông thôn tỉ lệ lên đến 91%.

* **Những lí do để mọi người nên từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh:**

+ Lạm dụng thuốc kháng sinh gây lãng phí tiền bạc bởi nhiều bệnh do virut không chữa được bằng kháng sinh mà vẫn dùng kháng sinh.

+ Lạm dụng thuốc kháng sinh gây khó khăn cho việc chẩn đoán, điều trị bệnh. Ví dụ: bệnh nhân bị viêm ruột thừa cấp mà dùng kháng sinh sẽ làm cho lu mờ các triệu chứng gây khó chẩn đoán. Sử dụng nhiều kháng sinh và liều cao có khả năng gây suy tủy, nhất là trường hợp sử dụng chloramphenicol nhiều. Một số kháng sinh như streptomycine, kanamycine dùng liều cao có thể gây điếc và suy thận.

+ Lạm dụng kháng sinh làm cho vi khuẩn nhờn thuốc, dẫn đến tình trạng kháng thuốc kháng sinh, gây nguy hiểm cho tính mạng.

**Dẫn chứng:** Tổ chức Y tế Thế giới xếp Việt Nam vào nhóm các nước có tỉ lệ kháng kháng sinh cao nhất thế giới. Trong khi nhiều quốc gia phát triển đang còn sử dụng kháng sinh thế hệ 1 có hiệu quả thì Việt Nam đã phải sử dụng tới kháng sinh thế hệ 3 và 4. Đáng lo ngại hơn, ở nước ta đã xuất hiện một vài loại siêu vi khuẩn kháng lại tất cả các loại kháng sinh. Phổ biến nhất là nhóm vi khuẩn gram âm đường ruột.

**- Dự đoán lập luận của người có thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh để phản biện lại:**

**+ Người có thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là: dựa vào hướng dẫn của người bán thuốc; tham khảo thông tin trên mạng; không có thời gian để đi khám bác sĩ,…**

**+ Người viết có thể phản biện lại: Người bán thuốc không phải là bác sĩ khám bệnh nên họ không đủ kiến thức chuẩn đoán và kê đơn điều trị cho người bệnh; nhiều trang thông tin trên mạng chưa được kiểm duyệt nên độ tin cậy không cao; sức khoẻ là điều đáng quý nên cần phải sắp xếp thời gian để khám bệnh tại những nơi uy tín,…**

**- Làm thế nào để từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh?**

**+ Mỗi người cần hiểu đúng và đầy đủ tác hại của việc lạm dụng thuốc kháng sinh.**

**+ Khi có bệnh, cần đi khám bác sĩ; mua và sử dụng thuốc theo đúng chỉ định của bác sĩ.**

**+** Luôn dùng kháng sinh đủ liều, ngay cả khi sức khỏe đã khá hơn; không dùng thuốc kháng sinh thừa từ lần sử dụng trước. Không chia sẻ, dùng chung thuốc kháng sinh của mình với người khác.

**3. Kết bài:** Khẳng định lại thông điệp mọi người cần từ bỏ thói quen lạm dụng thuốc kháng sinh vì một cuộc sống khoẻ mạnh, an toàn cho bản thân và cộng đồng.

**Đề 02:** Một người bạn của anh/chị luôn tin tưởng và hành động theo phương châm “Im lặng là vàng”. Hãy viết bài văn nghị luận để thuyết phục người bạn đó cần nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn.

**Gợi ý**

**1. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết:

Câu nói "Im lặng là vàng" mang hàm ý khuyên mỗi người trong giao tiếp nên biết giữ im lặng, không nên tự bộc lộ mình hoặc can thiệp vào công việc của người khác, đó mới là khôn ngoan, chín chắn. Song có phải khi nào im lặng cũng là đúng đắn, tốt đẹp?

**2. Thân bài:** Triển khai vấn đề cần nghị luận: Người viết có thể sắp xếp các ý theo trật tự khác nhau, kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người bạn của em nhìn nhận vấn đề toàn diện hơn:

- **Giải thích thế nào là im lặng và hiểu thế nào về quan niệm “im lặng là vàng”?**

+ Im lặng là biểu hiện của việc biết kiểm soát cảm xúc và lời nói trong những hoàn cảnh cụ thể.

+ Quan niệm “Im lặng là vàng” muốn đề cao giá trị của việc im lặng đúng lúc, đúng chỗ

* **Những trường hợp nào thì im lặng là vàng?**

Trong cuộc sống của chúng ta, im lặng mang đến vô vàn những giá trị:

+ Im lặng là biểu hiện của nghị lực, bản lĩnh của con người trong việc kiềm chế cảm xúc bản thân, điềm tĩnh và cẩn trọng trong lời nói, trong hành động. Điều đó giúp ta tránh khỏi những mâu thuẫn, những cơn tức giận, không gây ra những hậu quả đáng tiếc khi có ai đó lăng mạ, chửi bới, xúc phạm mình.

+ Sự im lặng còn thể hiện sự chín chắn, biết cách cư xử hợp lý, cũng như thể hiện ra một con người biết suy nghĩ. Đó là cách thể hiện sự thông minh của bản thân.

+ Im lặng để cảm thông, thấu hiểu mọi điều, mọi người

+ Im lặng giúp ta tập trung làm việc cao hơn từ đó cho năng suất lao động lớn hơn.

* **Những trường hợp nào thì không nên im lặng?**

Nhưng không phải lúc nào im lặng cũng là vàng. Trong nhiều trường hợp, sự im lặng lại là biểu hiện của sự ích kỉ và sự hèn nhát của con người:

+ Im lặng trước cái xấu, cái ác đang hoành hành đó là sự im lặng sai lầm. Sự im lặng đó tạo điều kiện cho cái xấu lên ngôi, lây lan, phát triển. Sự im lặng ở đây đồng nghĩa với lối sống thờ ơ, vô trách nhiệm.

+ Im lặng đôi khi cũng mang đến những thiệt thòi không đáng có. Bởi vì im lặng mà người khác không phát hiện hay chú ý đến mình. Nhiều người tỏ ra xem thường những người chỉ biết im lặng, cam chịu, không dám đấu tranh.

+ Im lặng còn có thể tàn phá một mối quan hệ tốt đẹp khi hai người đang có mẫu thuẫn. Bởi nếu cả hai cùng im lặng không trao đổi để tìm ra hướng giải quyết chung, chắc chắn mối quan hệ của hai người cũng chấm dứt từ đó.

**Dẫn chứng về những lời phát biểu liên quan:**

+ [“*Trong thế giới này chúng ta không chỉ xót xa vì những hành động và lời nói của người xấu mà còn cả vì sự im lặng đáng sợ của người t*ốt” (Martin Luther King)](https://theki.vn/nghi-luan-trong-the-gioi-nay-chung-ta-khong-chi-xot-xa-vi-nhung-hanh-dong-va-loi-noi-cua-nguoi-xau-ma-con-ca-vi-su-im-lang-dang-so-cua-nguoi-tot-6336-2/)

+ Pythagos từng nói: “*Im lặng là cấp độ cao nhất của sự khôn ngoan. Ai không biết im lặng là không biết nói*”. Còn Martin Luther King Jr lại phát biểu: “*Cuộc sống chúng ta bắt đầu chấm dứt ngay trong cái ngày mà chúng ta giữ im lặng trước những vấn đề hệ trọng*”.

* **Dự đoán lập luận của những người muốn im lặng trước mọi tình huống và dự kiến lời phản biện lại:**

**+ Người có quan niệm “im lặng là vàng” có thể đưa ra lời biện minh cho mình là: việc ai người nấy làm, không nên can thiệp vào chuyện người khác để tránh liên luỵ; không dám lên tiếng tố cáo những hành vi sai lầm mà mình biết vì muốn giữ gìn mối quan hệ,…**

**+ Người viết có thể phản biện lại: nếu không lên tiếng trước những hành vi sai trái thì một ngày nào đó bản thân mình sẽ trở thành nạn nhân tiếp theo; nói ra những hành vi sai trái của một người cũng là cách giúp họ tỉnh ngộ, không lún sâu vào con đường tội lỗi,…**

- **Làm thế nào để thực hiện quan niệm “im lặng là vàng” đúng đắn?**

**+ Cần phân biệt việc im lặng và lên tiếng đúng lúc, đúng chỗ.** Cần phải biết cân bằng giữa im lặng và lên tiếng phá vỡ im lặng khi cần thiết, không phải lúc nào sự im lặng cũng là vàng.

+ **Cần rèn luyện thói quen biết nêu ý kiến của bản thân mình trước những vấn đề gặp phải trong cuộc sống một cách hợp lí.**

**3. Kết bài:** Khẳng định lại thông điệp mọi người cần hiểu và im lặng đúng chỗ, đúng lúc. Hãy lựa chọn lời nói, thời điểm, phát ngôn thích hợp để vừa giúp bản thân, vừa thúc đẩy xã hội phát triển.

**Đề số 03:** Trì hoãn công việc là thói quen xấu của nhiều người hiện nay. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**Gợi ý**

**1. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết

Để thực hiện những mục tiêu, dự định, con người cần lên kế hoạch và hành động để thực hiện theo đúng kế hoạch đã đặt ra. Thói quen trì hoãn công việc là thói quen xấu phá vỡ những kế hoạch của con người và khiến ta không bao giờ chạm tay được đến thành công. Bởi vậy, thói quen này nhất định phải được thay đổi.

**2. Thân bài**

**\* Giải thích thế nào là thói quen trì hoãn và thực trạng của thói quen này:**

- Trì hoãn trong công việc: là chần chừ, lề mề, rề rà, chưa muốn bắt tay vào làm ngay một công việc nào đó hoặc có tâm lí chờ và để một thời gian mới làm và giải quyết.

- Thói quen trì hoãn công việc lại là thói quen được lặp đi lặp lại nhiều lần ở con người.

- Thực trạng: Đây là thói quen xấu mà rất nhiều người mắc phải, tuỳ theo mức độ nặng nhẹ.

**\*Những lí do để mọi người nên từ bỏ thói quen trì hoãn công việc:**

- Tác hại với cá nhân:

+ Thói quen trì hoãn và viện cớ sẽ khiến chúng ta giậm chân tại chỗ, không nỗ lực bắt tay vào hành động, do đó không đạt được những gì mình mong ước. Trì hoãn công việc ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và kết quả của công việc, trì hoãn khiến ta không hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn

+ Trì hoãn khiến cho con người bỏ lỡ những cơ hội, những điều kiện tốt để phát triển và khẳng định giá trị của bản thân.

+ Thói quen trì hoãn công việc còn làm nảy sinh tính bê trễ, thiếu kỉ luật, trách nhiệm với bản thân cũng như với công việc được giao, từ đó hình thành tâm lí ỷ lại, lười biếng.

- Tác hại với tập thể, xã hội:

+ Thói quen trì hoãn công việc sẽ khiến cho công việc của tập thể chậm tiến độ, khó hoàn thành mục tiêu đã đặt ra đúng hạn.

+ Thói quen xấu này là lực cản, làm tụt lùi sự phát triển của xã hội.

***\** Dự đoán lập luận của người có thói quen trì hoãn công việc để phản biện lại:**

**- Người có thói quen trì hoãn công việc có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là:**

**+ Vì trong cuộc sống có thể có những điều bất thường xảy ra nằm ngoài dự tính nên** buộc con người phải trì hoãn công việc đang thực hiện để giải quyết những vấn đề trước mắt.  
 **+ Áp lực công việc, không có đủ thời gian để hoàn thành công việc nên phải tạm thời trì hoãn;**

**+ Nhiều người nghĩ rằng bản thân mình còn nhiều thời gian nên chưa vội làm việc đó luôn, đi kèm đó là lời hứa “một ngày nào đó” họ sẽ làm,…**

**+ Do người người bị ép buộc làm những công việc họ không yêu thích nên** sự hưng phấn sẽ giảm sút đi và không có nhiều động lực để thôi thúc họ háo hức bắt đầu công việc.  
**- Người viết có thể phản biện lại: Thời gian không chờ đợi ai. Chỉ khi bắt tay vào hành động thì ta mới tháo gỡ được những khó khăn và giải quyết được những công việc. Công việc là do bạn lựa chọn nên bạn phải có trách nhiệm với công việc đó.**

**\* Làm thế nào để từ bỏ thói quen trì hoãn trong công việc?**

**+ Mỗi người** cần học tập, tu dưỡng, rèn luyện kĩ năng, tiếp thu lĩnh hội kiến thức mới mẻ để không trì hoãn công việc mỗi khi thấy khó. Hãy tập yêu công việc- thứ gắn bó với bạn mỗi người.

+ Nỗ lực học hỏi, sáng tạo, giải quyết nhanh công việc, không để tồn đọng công việc sẽ gây ảnh hưởng đến người khác.

+ Hãy nghĩ tới tương lai, đích đến, cảm giác chinh phục được mục tiêu của mình sẽ tuyệt vời như thế nào. Hãy để chúng dẫn lối và tạo động lực cho bạn.

+ Và quan trọng là hãy bắt tay vào việc đi, đừng trì hoãn. Không quan tâm đến đó là việc gì, chỉ cần biết rằng nó phục vụ cuộc sống tương lai của bạn là đủ

**3. Kết bài**

- Khái quát, khẳng định lại tác hại tiêu cực của thói quen trì hoãn công việc.

- Rút ra bài học cho bản thân cần sống có trách nhiệm, tự giác hoàn thành công việc đúng thời hạn, sống có kỉ luật.

**Đề số 04:** Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

***Gợi ý***

**1. Mở bài:** Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết

Ô nhiễm môi trường luôn là vấn đề bức thiết, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Một trong những nguyên nhân gây nên nạn ô nhiễm môi trường là do thói quen xả rác bừa bãi của con người. Đây là thói quen xấu phổ biến của nhiều người cần phải từ bỏ.

**2. Thân bài**

**\* Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi và thực trạng của thói quen này:**

 - Vứt rác bừa bãi là vứt rác tuỳ ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc gây nên ô nhiễm môi trường.

- Vứt rác bừa bãi là thói quen xấu xảy ra ở nhiều người, nhiều địa điểm: cầu cống, sông ngòi, đường xá, các khu du lịch, bãi biển, trên các phương tiện công cộng,…

**\*Những lí do mọi người nên từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi:**

- Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.

- Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.

- Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải.

- Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại, trong khi lối sống của mỗi người ngày càng văn minh, tiến bộ, ứng xử có văn hóa. Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay, đường phố xanh - sạch - đẹp là một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác.

***\** Dự đoán lập luận của người có thói quen trì xả rác bừa bãi để phản biện lại:**

**- Người có thói quen xả rác bừa bãi có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là:** do thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.

**- Người viết có thể phản biện lại: Nếu bạn thực sự có ý thức bảo vệ môi trường thì bạn sẽ biết cách hành động bỏ rác đúng nơi quy định, dù việc đó có mất thêm thời gian của bạn.**

**\* Làm thế nào để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi?**

- Mỗi người cần nâng cao ý thức của mình trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.

- Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: *Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,...*

*-* Tuyên truyền những người xung quanh cùng chung tay giữ gìn môi trường sống xung quanh sạch sẽ, trong lành*.*

**3. Kết bài:**

- Nêu suy nghĩ của bản thân về “vứt rác bừa bãi”

- Tuyên truyền và động viên mọi người trong việc bảo vệ môi trường.

**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP CẢ BÀI HỌC 3**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân hoàn thành đề bài ôn tập tổng hợp.

**c. Sản phẩm:** Bài làm hoàn thiện của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV giao nhiệm vụ:**

**Cách 1:** GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS

HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.

**Cách 2:** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút

HS làm việc cá nhân.

- **Thực hiện nhiệm vụ:**

**+** HS thực hiện nhiệm vụ.

+ GV quan sát, khích lệ HS.

**- Báo cáo, thảo luận:**

+ GV gọi HS chữa đề theo từng phần.

+ Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.

+ HS nhận xét lẫn nhau.

**- Kết luận**: GV nhận xét, chốt kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | **% Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |  |
| ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***( %)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Tỉ lệ***  ***(%)*** | ***Thời gian***  ***(phút)*** | ***Số***  ***câu hỏi*** | ***Thời gian (phút)*** |
| **1** | Đọc hiểu | 15 | 5 | 15 | 5 | 10 | 10 | 0 | 0 | 06 | 20 | 40 |
| **2** | Làm văn | 25 | 10 | 15 | 10 | 10 | 20 | 10 | 30 | 01 | 70 | 60 |
| **Tổng** | | **40** | **15** | **30** | **15** | **20** | **30** | **10** | **30** | **07** | **90** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | |  |  | **100** |
| **Tỉ lệ chung** | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** |

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức,**  **kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |  |
| **1** | **ĐỌC HIỂU** | Đọc hiểu đoạn văn nghị luận (Ngoài SGK) | **Nhận biết:**  - Xác định được luận điểm, luận cứ  - Chỉ ra thông tin trong đoạn trích.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được đặc sắc về nội dung của đoạn trích: đề tài, chủ đề, thông điệp,…  - Hiểu được đặc sắc về nghệ thuật của nghệ thuật lập luận, các hình ảnh, biện pháp tu từ đặc sắc; ngôn ngữ nghị luận,…  - Hiểu được một số đặc trưng của văn nghị luận  **Vận dụng:**  - Nhận xét giá trị của các yếu tố nội dung, hình thức trong đoạn trích.  - Nêu được suy nghĩ về quan niệm của nhà văn; rút ra được thông điệp, bài học cho bản thân từ nội dung đoạn trích. | 3 | 2 | 1 | 0 | 6 |
| **2** | **LÀM VĂN** | Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay quan niệm. | **Nhận biết:**  - Xác định được thói quen/ quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.  - Xác định được cách thức trình bày bài văn.  **Thông hiểu:**  - Diễn giải về các lí do để thuyết phục người khác từ bỏ thói quen/ quan điểm; nêu cách thức từ bỏ..  **Vận dụng:**  - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận phù hợp để triển khai lập luận để thuyết phục người khác từ bỏ thói quan/ quan điểm  **Vận dụng cao:**  - Huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về thói quen/ quan niệm cần thuyết phục người khác từ bỏ.  - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh; đoạn văn giàu sức thuyết phục. |  |  |  |  | 1 |
| **Tổng** | | |  |  |  |  |  | **7** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40** | **30** | **20** | **10** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70** | | **30** | |  |

**ĐỀ BÀI**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

**THÓI QUEN**

*Trên đời có rất nhiều thói quen, tốt và không tốt, thậm chí là thói quen xấu.*

*Chăm chỉ, ngăn nắp, làm gì thì đến nơi đến chốn, đúng giờ, có tinh thần trách nhiệm, hay giúp đỡ người khác, có lòng khoan dung là thói quen luôn đáng khuyến khích.*

*Cẩu thả, tản mạn, luôn tiện tay vứt mọi thứ ra xung quanh hoặc ngoài đường, ghen ghét, lười biếng, buông trôi, ngồi gác chân lên ghế, đội mũ trong phòng họp, nói tục, văng bậy, tham lam ích kỷ... là thói quen xấu.*

*Có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người thiếu nghị lực, khó sửa chữa như nghiện rượu, nói bậy, tắt mắt, không thứ tự, đánh bạc, chơi dế... mà có lẽ người có thói quen đấy tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình, thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên, nói vui là vẫn theo ông : “Nguyễn Y Vân”*

*Thói quen có thể có loại không hại đến ai như thói quen thức khuya, thói quen ngả lưng sau bữa ăn, thói quen đọc mấy tờ báo cho dễ ngủ...* *Nhưng có thói quen có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác như thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng...*

*........*

*Ai cũng có nhiều thói quen trong đời và đôi khi nó thành thâm căn cố đế, khó sửa, khó đổi thay. Chỉ những ai tự biết mình, tự sáng suốt, có nghị lực...mới dễ thành công trong đời vì biết điều khiển thói quen của mình.*

( Trích *“Thói quen”*- đoản văn của Băng Sơn)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1**. Chỉ ra thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Trong đoạn trích, tác giả bàn đến thói quen có thể không hại và có hại là gì?

**Câu 3.**Tại sao thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng lại có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác?

**Câu 4.** Tại sao có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người lại không thể sửa chữa?

**Câu 5.** Làm thế nào để từ bỏ thói quen xấu?

**Câu 6.** Thông điệp nào có ý nghĩa nhất với anh/chị? Vì sao?

**PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)**

Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

**ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích: Bình luận.  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0,5 điểm*  *- Không trả lời được hoặc trả lời khác Đáp án: 0 điểm* | 0,5 |
| **2** | Trong đoạn trích, tác giả bàn đến thói quen có thể không hại và có hại là:  - *Thói quen có thể có loại không hại đến ai như thói quen thức khuya, thói quen ngả lưng sau bữa ăn, thói quen đọc mấy tờ báo cho dễ ngủ...*  *- Có thói quen có thể làm hại chính mình hoặc gây phiền hà cho người khác như thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ, thói rung đùi ngay cả nơi công cộng...*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0,75 điểm*  *- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm*  **-** *Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 0,5 |
| **3** | * *Thói quen ngủ dậy muộn, đi làm không đúng giờ*: Thiếu tính kỉ luật, không coi trọng thời gian của mình, xâm phạm đến thời gian của người khác, gây mất tập trung, ảnh hưởng tới hiệu suất công việc, làm chậm tiến độ * Rung đùi nơi công cộng: Thiếu tiết chế, bất lịch sự với người xung quanh   *- Trả lời như Đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,25 điểm*  *- Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 0,5 |
| **4** | Có thói quen biết là xấu nhưng nhiều người lại không thể sửa chữa, bởi vì:  - *Thiếu nghị lực,*  *- Tự buông trôi hoặc tự quá yêu mình,*  *- Thiếu cố gắng nên cứ hứa sẽ sửa chữa nhưng bao năm vẫn y nguyên.*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trả lời như Đáp án: 0,75 điểm*  *- Trả lời được 2 ý trong Đáp án: 0,5 điểm*  **-** *Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,25 điểm*  ***Lưu ý:*** *Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.* | 0,75 |
| **5** | * Nhận thức được tác hại của thói quen xấu với chính mình và với mọi người xung quanh   - Có bản lĩnh, có quyết tâm thay đổi bản thân  *- Trả lời như Đáp án: 0,75 điểm*  *- Trả lời được 1 ý trong Đáp án: 0,5 điểm*  *- Trả lời được 1 phần của ý 1 hoặc ý 2 trong Đáp án: 0,25 điểm* | 0,75 |
| **6** | - Rút ra được thông điệp ý nghĩa nhất với bản thân và lí giải thuyết phục, chẳng hạn:  + Tạo thói quen tốt, sửa thói quen xấu.  *+* Chỉ những ai tự biết mình, tự sáng suốt, có nghị lực...mới dễ thành công trong đời vì biết điều khiển thói quen của mình.  …  - Lí giải thuyết phục, chẳng hạn:  + Tạo thói quen tốt, sửa thói quen xấu giúp con người hoàn thiện chính mình, dễ dàng thành công, được mọi người tôn trọng, yêu mến; góp phần lan tỏa năng lượng sống tích cực. tạo nên một xã hội lành mạnh, văn minh, tốt đẹp…  + Người biết điều khiển thói quen của mình là người hiểu rõ bản thân, có trí tuệ sáng suốt, có nghị lực, có bản lĩnh vững vàng, dám nghĩ, dám làm, dám thay đổi để thành công…  ***Hướng dẫn chấm:***  *- Rút ra được thông điệp ý nghĩa nhất : 0,25 điểm.*  *- Lý giải thuyết phục thông điệp lựa chọn: 0,75 điểm* | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **6,0** |
|  |  | **Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.** |  |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,5 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*  Thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen xả rác bừa bãi. | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| **\* Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi và thực trạng của thói quen này:**   - Vứt rác bừa bãi là vứt rác tuỳ ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc gây nên ô nhiễm môi trường.  - Vứt rác bừa bãi là thói quen xấu xảy ra ở nhiều người, nhiều địa điểm: cầu cống, sông ngòi, đường xá, các khu du lịch, bãi biển, trên các phương tiện công cộng,… | 0,5 |
| **\*Những lí do mọi người nên từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi:**  - Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người.  - Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh.  - Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải.  - Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại, trong khi lối sống của mỗi người ngày càng văn minh, tiến bộ, ứng xử có văn hóa. Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay, đường phố xanh - sạch - đẹp là một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác.  ***\** Dự đoán lập luận của người có thói quen trì xả rác bừa bãi để phản biện lại:**  **- Người có thói quen xả rác bừa bãi có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là:** do thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác.  **- Người viết có thể phản biện lại: Nếu bạn thực sự có ý thức bảo vệ môi trường thì bạn sẽ biết cách hành động bỏ rác đúng nơi quy định, dù việc đó có mất thêm thời gian của bạn.**  **\* Làm thế nào để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi?**  - Mỗi người cần nâng cao ý thức của mình trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng.  - Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: *Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh,...*  *-* Tuyên truyền những người xung quanh cùng chung tay giữ gìn môi trường sống xung quanh sạch sẽ, trong lành*.*  ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,5 điểm – 3,0 điểm.*  *- Phân tích đầy đủ nhưng có ý chưa sâu hoặc phân tích sâu nhưng chưa thật đầy đủ: 1,5 điểm – 2,25 điểm.*  *- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,5 điểm – 1,25 điểm.* | 3,0 |
| - Khẳng định lại thói quen xả rác bừa bãi là thói quen xấu mà mọi người nhất định phải thay đổi.   * Rút ra bài học cho bản thân: Thay đổi thói quen, bảo vệ môi trường để góp phần tạo nên Trái Đất xanh.   ***Hướng dẫn chấm****:*  *- Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*  *- Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  ***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,5 |
| *e. Sáng tạo*  Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.  ***Hướng dẫn chấm****: Học sinh biết vận dụng thực tiễn đời sống để làm nổi bật vấn đề nghị luận; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*  *- Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*  *- Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm*. | 0,5 |
| **Tổng điểm** | | | **10,0** |

**NHIỆM VỤ VỀ NHÀ**

**GV yêu cầu HS:**

- Tìm đọc và tham khảo các tài liệu liên quan đến nội dung bài học.

- Học bài ở nhà, ôn tập các nội dung đã học.

- Làm hoàn chỉnh các đề bài.

- Vẽ sơ đồ tư duy bài học.